CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 01/2021/BB	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2021*

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần VINAPRINT

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, quận 3, Tp HCM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301306457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 08/09/2006 và thay đổi lần thứ 14 ngày 24/12/2020

Hôm nay, vào lúc 13 giờ 00 phút ngày 12/04/2021, Công ty cổ phần VINAPRINT (VPR) đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tại Nhà khách người có công - 168 Hai Bà Trưng, P. Đakao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh với các nội dung chi tiết như sau:

1. Khai mạc cuộc họp

Bà Võ Thị Giang điều khiển.

1.1. Phần nghi thức khai mạc gồm có: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu

Thành phần tham dự bao gồm:

- Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát CTCP VINAPRINT.
- Toàn thể cổ đông và đại diện cổ đông CTCP VINAPRINT tham dự.

Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội (gồm 03 người):

1. Ông Trương Quang Hòa – Trưởng ban
2. Bà Lê Thị Hoàng Anh – Thành viên
3. Ông Phạm Văn Tùng – Thành viên

1.2. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần VINAPRINT

Ông **Trương Quang Hòa** – Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự tính tới thời điểm 13 giờ 44 phút là 33 cổ đông, tổng số cổ phần của cổ đông tham dự là 3.817.164 cổ phần, chiếm 83,4173% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT
Ký ngày: 13/4/2021 14:00:48

Như vậy, Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của pháp luật.

1.3. Thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội:

Bà Võ Thị Giang trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

1.4. Thông qua số lượng và danh sách nhân sự Chủ tọa đoàn

Đại hội đã thông qua số lượng và danh sách Đoàn chủ tịch với số phiếu chấp thuận là 100%, cụ thể như sau:

Đoàn chủ tịch (gồm 02 người):

1. Ông Bùi Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội
2. Ông Lê Duy Hiệp – Thành viên HĐQT

***1.5.* Thông qua số lượng và danh sách nhân sự Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu**

Ông Bùi Tuấn Ngọc điều khiển:

Đại hội đã thông qua số lượng và danh sách Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu với số phiếu chấp thuận là 100%, cụ thể như sau:

- **Thư ký đoàn (gồm 02 người):**

1. Bà Võ Thị Giang
2. Bà Nguyễn Thị Yến Nhi

- **Ban Kiểm phiếu (gồm 03 người):**

1. Ông Trương Quang Hòa – Trưởng ban
2. Bà Lê Thị Hoàng Anh – Thành viên
3. Ông Phạm Văn Tùng – Thành viên

2. Nội dung Đại hội

2.1. Thông qua Chương trình Đại hội

Ông Lê Duy Hiệp trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Chương trình Đại hội *(tài liệu đính kèm)*.

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội.

2.2. Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị

Ông Bùi Tuấn Ngọc trình bày "Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị" với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Kết quả kinh doanh năm tài chính 2020:
  + Doanh thu thuần đạt: 69,692 tỷ đồng, tăng 14,67% so với năm 2019
  + Lợi nhuận trước thuế đạt: 7,155 tỷ đồng, tăng 73,12% so với năm 2019
  + Tỷ trọng LNTT/Doanh thu thuần năm 2020: 10,3%
- Năm 2020, HĐQT đã tích cực triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, kết quả cụ thể như sau:

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN
Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2020: - Doanh thu: 63,45 tỷ đồng. - Lợi nhuận trước thuế : 8,665 tỷ đồng.	**Hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu** - Doanh thu thực hiện 2020: 69,692 tỷ đồng bằng 109,8% so với kế hoạch 2020 và tăng 14,67% so với thực hiện 2019. - Lợi nhuận thực hiện 2020: 7,155 tỷ đồng bằng 82,6% so với kế hoạch 2020 và tăng 73,12% so với thực hiện 2019.
Lựa chọn Đơn vị kiểm toán cho niên độ tài chính 2020.	Đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn (A & C)
Thực hiện các hoạt động giám sát nhằm tăng cường hiệu quả, quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.	Luôn bám sát tình hình hoạt động kinh doanh và có chỉ đạo kịp thời cho Ban điều hành trong hoạt động kinh doanh.
Thay đổi tên công ty, tăng vốn điều lệ công ty	Đã thực hiện
Phương án chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu (tỷ lệ thực hiện: 10:1)	Đã thực hiện.

Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Phấn đấu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2021:

ĐVT : đồng

STT	CHỈ TIÊU	KH 2021	(%) so với thực hiện 2020
1	Tổng doanh thu	42.300.000.000	61%
2	Lợi nhuận trước thuế	10.600.000.000	148%

+ Cho thuê kho và giao nhận: Tăng cường hệ thống kho bãi, đầu tư thêm kệ sàn tại các kho để tối ưu hóa diện tích 20% - 30% cho thuê, hoàn thiện các quy trình quản lý khách hàng, kho hàng.
+ Mở rộng thêm loại hình kinh doanh: Lưu trữ File hồ sơ cứng, mềm, các giấy tờ có giá...khách hàng mục tiêu là bệnh viện, ngân hàng, trường học, các công ty tài chính, bảo hiểm, các doanh nghiệp có lượng hồ sơ lưu trữ lớn và dài hạn, đã đưa vào hoạt động từ tháng 01/2021. Đây xác định là hướng đi mới đảm bảo hiệu quả lâu dài, đồng thời cơ cấu nguồn lao động đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty.
+ Hoạt động cho thuê cao ốc văn phòng: Duy trì tốt việc quản lý hoạt động kinh doanh cao ốc Vinabuilding, đảm bảo tỷ lệ lấp đầy là 100%. Đây là mảng hoạt động mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty năm 2021.

- Thực hiện các hoạt động tăng cường hiệu quả quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiểm soát tốt chi phí, kiểm soát đầu tư, khai thác, sử dụng các bất động sản đầu tư, đầu tư hợp lý để tạo ra sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, giá cả hợp lý nhằm tối đa hóa giá trị Công ty, tối đa hóa lợi nhuận.

2.3. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Ban Giám đốc

Ông Hoàng Phong Giao trình bày "Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Ban Giám đốc" với một số chỉ tiêu chính như sau:

Kết quả thực hiện năm 2020

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU		Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Tỷ lệ %	
					KH 2020	TH 2019
1	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	63.450.000.000	69.692.174.379	60.776.285.362	109,8%	114,6%
2	Giá vốn hàng bán		54.994.738.681	49.470.428.915		111,2%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV		14.697.435.698	11.305.856.447		130%
4	Doanh thu hoạt động tài chính		179.948.822	306.208.112		58,7%
5	Chi phí tài chính		4.385.205.734	1.713.342.354		255,9%
6	Chi phí bán hàng		797.834.501	1.649.889.759		48,35%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.561.732.725	4.240.195.625		83,99%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh		6.132.611.560	4.008.636.821		153%

9	**Thu nhập khác**		**1.081.459.002**	**364.777.827**		296,47 %
10	**Chi phí khác**		**58.980.225**	**239.743.835**		24,6%
11	**Lợi nhuận khác**		**1.022.478.777**	**125.033.992**		817,76 %
12	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**8.665.000.000**	**7.155.090.337**	**4.133.670.813**	82,6%	173,1%
13	**Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành**		**1.042.436.710**	**788.492.662**		132,2%
14	**Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại**		**-**	**128.225.977**		
15	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN**		**6.112.653.627**	**3.216.952.174**		190%

- **Kế hoạch năm 2021**

ĐVT : đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2020		KẾ HOẠCH 2021		%	
		Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận	DT	LN
1	Kinh doanh In ấn	29.881	-1.984	-	-	-	-
2	Kinh doanh KVGN	14.855	559	15.660	600	105%	107%
3	Kinh doanh Cao ốc Vina Buiding	23.515	9.021	23.600	9.800	101%	111%
4	Thu nhập tài chính, TN khác	180	220	-	-	-	-
5	Kinh doanh Kho hồ sơ - BĐS	1.440	-661	3.040	200	211%	-30%
	CỘNG	**69.871**	**7.155**	**42.300**	**10.600**	**61%**	**148%**

2.4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Bà Lê Thị Tường Vy trình bày "Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020" *(Báo cáo đính kèm).*

2.5. Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán và Báo cáo của kiểm toán độc lập

Bà Đoàn Thị Phương Linh trình bày "Báo cáo tài chính năm kiểm toán 2020 của Công ty" *(Tài liệu đính kèm).*

2.6. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020

Ông Hoàng Phong Giao trình bày "Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020" *(Tờ trình đính kèm)*, cụ thể như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 (đã kiểm toán) của công ty đạt lợi nhuận sau thuế **6,113** tỷ và lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu là **1.336** đồng. Nhằm tạo điều kiện về vốn và thúc đẩy hiệu quả hoạt động SXKD cho công ty năm 2021, năm 2020 công ty sẽ không chia cổ tức.

2.7. Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Ông Hoàng Phong Giao trình bày "Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021" *(Tờ trình đính kèm)*, cụ thể như sau:

I. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, HĐQT Công ty cổ phần VINAPRINT đã chi trả mức thù lao cho HĐQT và BKS trong năm 2020 (đã bao gồm 10% thuế thu nhập cá nhân) như sau:

- Thù lao cho Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT: **4.444.440** đồng/người/tháng.
+ 4 Thành viên HĐQT: **3.333.330** đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Ban kiểm soát:

+ Trưởng BKS: **3.333.330** đồng/người/tháng.
+ 2 Kiểm soát viên: **2.777.780** đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Thư ký HĐQT:

+ Thư ký HĐQT chính: **2.777.780** đồng/người/tháng.
+Thư ký HĐQT hỗ trợ: **1.666.668** đồng/người/tháng.

II. KẾ HOẠCH THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

- **Thù lao cho Hội đồng quản trị:**

+ Chủ tịch HĐQT: **4.444.440** đồng/người/tháng.
+ 4 Thành viên HĐQT: **3.333.330** đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Ban kiểm soát:

+ Trưởng BKS: **3.333.330** đồng/người/tháng.
+ 2 Kiểm soát viên: **2.777.780** đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Thư ký HĐQT:

+ Thư ký HĐQT chính: **2.777.780** đồng/người/tháng.
+Thư ký HĐQT hỗ trợ: **1.666.668** đồng/người/tháng.

Thù lao của mỗi thành viên đã bao gồm 10% thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

Tổng mức thù lao năm 2021 là **373.333.176 đồng** ***(Ba trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, một trăm bảy mươi sáu đồng)***.

2.8. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Ông Hoàng Phong Giao trình bày "Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ" (*Tờ trình đính kèm*)

2.9. Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

Ông Hoàng Phong Giao trình bày "Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty" (*Tờ trình đính kèm*)

2.10. Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Phong Giao trình bày "Tờ trình về việc thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị" (*Tờ trình đính kèm*)

2.11. Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Tường Vy trình bày "Tờ trình Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát" *(Tờ trình đính kèm)*

2.12. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021

Bà Lê Thị Tường Vy trình bày "Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021", cụ thể như sau:

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Hội đồng quản trị sẽ căn cứ các tiêu chí như sau để lựa chọn công ty kiểm toán:

- Công ty kiểm toán trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021.
- Có uy tín và đảm bảo chất lượng.
- Phí kiểm toán hợp lý, đáp ứng được các yêu cầu của Công ty.

2.13. Tờ trình nhóm cổ đông lớn mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu để nâng tỷ lệ sở hữu mà không thông qua thủ tục chào mua công khai

Ông Hoàng Phong Giao trình bày "Tờ trình nhóm cổ đông lớn mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu để nâng tỷ lệ sở hữu mà không thông qua thủ tục chào mua công khai", cụ thể như sau:

- Thông qua việc Cổ đông Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Thiên Hải, Công ty CP Đầu Tư New Asia, Công ty CP Đầu Tư Vina và Ông Bùi Minh Tuấn thực hiện mua cổ phiếu Công ty cổ phần VINAPRINT dẫn đến việc sở hữu đạt hoặc vượt mức 65% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần VINAPRINT thì không phải thực hiện chào mua công khai.
- Thời gian thực hiện: Sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua đến hết ngày 28/02/2022.

2.14. Tờ trình phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Ông Hoàng Phong Giao trình bày "Tờ trình phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu", cụ thể như sau:

A. PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU:

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN:

1. Tổng số lượng cổ phần phát hành:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần VINAPRINT
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ hiện tại: 45.759.850.000 đồng
- Số cổ phiếu lưu hành: 4.575.985 cổ phiếu
- Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Phương thức chào bán: Chào bán cổ phiếu ra công chúng
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện: 1:2
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 9.151.970 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 91.519.700.000 đồng
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể chuyển nhượng quyền mua một (01) lần duy nhất cho đối tượng khác.
- Phương án xử lý cổ phiếu không bán hết: Đối với cổ phiếu còn thừa do cổ đông hiện hữu không mua hết và/hoặc từ chối mua và/hoặc đến hết hạn đóng tiền mua cổ phiếu mà không đóng tiền mua (sau đây gọi tắt là "Số cổ phiếu còn lại"): ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng chào bán, giá chào bán theo nguyên tắc giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:
  1. Đầu tư tài chính vào các công ty thuộc lĩnh vực Logistics, bất động sản KCN, cảng biển,...: 80.000.000.000 đồng
  2. Bổ sung vốn lưu động của Công ty: 11.519.700.000 đồng
- Thời gian thực hiện dự kiến: Sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt Phương án chào bán và được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán. Dự kiến trong năm 2021-2022.

II. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ CHÀO BÁN:

1. Giá trị sổ sách:

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 là: 15.043 đồng/cổ phần
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 là: 15.011 đồng/cổ phần

2. Giá chào bán:

Căn cứ vào thị giá hiện tại của cổ phiếu VPR và giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm 31/12/2020 cũng như đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành, ĐHĐCĐ quyết định mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ

phần. Mức giá này góp phần đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu của Công ty và phù hợp với thị giá của cổ phiếu.

3. Pha loãng cổ phiếu sau khi chào bán:

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu phát hành (Ngày giao dịch không hưởng quyền"): giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$Ptc = \frac{(PRt\text{-}1 \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng CP đang lưu hành} + \text{Số lượng CP phát hành thêm}}$$

Trong đó:

- **P**tc: Giá tham chiếu tại Ngày giao dịch không hưởng quyền
- **PR**t-1 : Giá đóng cửa của cổ phiếu trước phiên giao dịch không hưởng quyền
- **PR**: Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

Trong trường hợp giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán nhỏ hơn mệnh giá thì giá thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh Ngoài ra, trong đợt chào bán cổ phiếu có thể bao gồm các rủi ro pha loãng khác như: Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu - EPS (Earning Per Share); pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu - BVPS (Book Value Per Share)

B. PHÊ DUYỆT CÔNG VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ:

Thông qua các nội dung liên quan đến tăng vốn điều lệ như sau:

1. Phê duyệt tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá cổ phiếu thực tế chào bán:

Phê duyệt tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phiếu thực tế chào bán theo phương án nêu tại Mục A.I và mục A.II trên đây.

2. Chỉnh sửa Điều lệ Công ty liên quan đến vốn điều lệ:

Phê duyệt việc sửa đổi Điều 5 Điều lệ Công ty (quy định về vốn điều lệ và tổng số cổ phiếu lưu hành) căn cứ vào kết quả thực tế của việc chào bán cổ phiếu theo phương án nêu tại Mục AI và Mục A.II trên đây.

C. ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT VÀ LƯU KÝ BỔ SUNG SỐ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM:

Thông qua việc niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế phát hành thêm theo phương án nếu tại Mục A.I và mục A.II, sau khi thực hiện báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN.

D. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT các vấn đề sau:

- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp, sau khi có giấy chứng nhận chào bán của UBCKNN; Thực hiện các thủ tục phát hành theo đúng các quy định của pháp luật;

- Quyết định bổ sung, hoàn chỉnh và quy định chi tiết nội dung phương án phát hành và/hoặc sửa đổi bổ sung phương án phát hành khi cần thiết để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của các cổ đông;
- Xử lý số cổ phần dôi dư trong trường hợp các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết số cổ phần phát hành thêm. Thực hiện phân phối số cổ phần đó cho nhà đầu tư khác có nhu cầu đảm bảo phân phối theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu đã được thông qua.
- Xây dựng phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến.
- Xây dựng chi tiết phương án phân bổ vốn thu được từ đợt chào bán và lựa chọn thời điểm tiến hành giải ngân sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và cho Công ty.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu mới.
- Thực hiện các thủ tục Kiểm toán vốn; Thay đổi đăng ký kinh doanh, sửa đổi điều lệ với số vốn điều lệ mới tăng thêm;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký cổ phiếu bổ sung trên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với số cổ phần phát hành thêm.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM sau khi hoàn tất đợt phát hành.

2.15. Tờ trình chuyển sàn giao dịch từ UPCOM sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Ông Lê Duy Hiệp trình bày "Tờ trình chuyển sàn giao dịch từ UPCOM sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)", cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần VINAPRINT
- Mã chứng khoán: VPR
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: 4.575.985 cổ phiếu
- Thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết: Dự kiến trong năm 2021-2022.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

+ Chuẩn bị hồ sơ, thủ tục cần thiết và triển khai các công việc liên quan để thực hiện chuyển sàn giao dịch.
+ Lựa chọn thời điểm triển khai phù hợp.

+ Thực hiện các thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình chuyển sàn niêm yết.

+ Các công việc khác liên quan đến việc chuyển sàn giao dịch.

2.16. Tờ trình về việc phát hành trái phiếu trơn (không chuyển đổi)

Ông Bùi Tuấn Ngọc trình bày "Tờ trình về việc phát hành trái phiếu trơn (không chuyển đổi)", cụ thể như sau:

1. Thông tin về tổ chức phát hành:

Tên doanh nghiệp	: Công ty Cổ phần VINAPRINT
Giấy CNĐKDN số	: Giấy đăng ký kinh doanh số: 0301306457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/09/2006, thay đổi lần thứ 14, ngày 24/12/2020
Địa chỉ	: Lầu 2, số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

2. Mục đích phát hành:

Số tiền huy động được từ đợt phát hành dự kiến sẽ được sử dụng để đầu tư vào các công ty lĩnh vực logistics, bất động sản KCN, cảng biển; đồng thời linh hoạt bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty.

3. Phương án phát hành:

Tên trái phiếu	Trái phiếu Công ty Cổ phần VINAPRINT
Loại trái phiếu	Trái phiếu thường, không có quyền chuyển đổi
Phương thức phát hành	Trái Phiếu được phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành
Đối tượng phát hành	Dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chuyên nghiệp là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có tiềm năng về tài chính
Tổng giá trị phát hành	Tối đa 200.000.000.000 đồng
Đồng tiền phát hành	Đồng Việt Nam (VNĐ)
Hình thức Trái Phiếu	Ghi sổ
Mệnh giá Trái Phiếu	1.000.000.000 đồng
Số lượng trái phiếu phát hành	Tối đa 200 Trái Phiếu
Giá Phát Hành	Bằng 100% mệnh giá
Kỳ hạn Trái Phiếu	Từ 03 đến 07 năm, kể từ ngày phát hành Trái Phiếu
Tài sản đảm bảo	Các tài sản hợp pháp của Công ty
Ngày phát hành dự kiến	Trong năm 2021, 2022
Lãi suất Trái Phiếu	Theo lãi suất thị trường
Hạn chế chuyển nhượng	Trái Phiếu không bị hạn chế chuyển nhượng
Kế hoạch bố trí nguồn vốn để mua lại trái phiếu và thanh toán lãi	Toàn bộ nguồn vốn để mua lại Trái Phiếu và thanh toán lãi sẽ đến từ tiền thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh và các nguồn khác

Phương thức thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu	- Khoản gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán một (1) lần vào (i) ngày đáo hạn; hoặc (ii) ngày mà các Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn hoặc do nguyên nhân khác; hoặc (iii) ngày mà các Trái Phiếu được mua lại theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu - Khoản lãi Trái Phiếu sẽ được thanh toán định kỳ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu
Các cam kết khác	Như được quy định cụ thể trong Các Điều Kiện Trái Phiếu

4. Ủy quyền

Thông qua việc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện các công việc:

- Đàm phán và lựa chọn đối tượng nhà đầu tư phù hợp.
- Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của trái phiếu phát hành (khối lượng, lãi suất, kỳ hạn, và các điều khoản khác) phù hợp với tình hình thị trường và tình hình của Công ty tại thời điểm chào bán.
- Lựa chọn tổ chức tư vấn, đại lý phát hành.
- Quyết định nội dung và ký kết toàn bộ các tài liệu liên quan đến đợt phát hành trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn Hợp đồng tư vấn phát hành, Bản công bố thông tin; các Hợp đồng cầm cố, thế chấp; Hợp đồng đại lý đăng ký, lưu ký và thanh toán; Hợp đồng giữ, quản lý tài khoản trái phiếu và tài khoản dự phòng trả nợ và các cam kết với nhà đầu tư trái phiếu (nếu có) và các tài liệu sửa đổi, bổ sung, thay thế các tài liệu đó.
- Thực hiện các công việc liên quan khác để hoàn thành đợt phát hành trái phiếu theo quy định pháp luật.

2.17. Cập nhật Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần VINAPRINT

Ông Trương Quang Hòa – Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông cập nhật báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự tính tới thời điểm 15 giờ 00 phút là 42 cổ đông, tổng số cổ phần của cổ đông tham dự là 4.195.684 cổ phần, chiếm 91,6892% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.18. Thảo luận và biểu quyết

- ***Ý kiến của Ông Nguyễn Quốc Khánh (Mã cổ đông: VPR043)***

- Vinaprint có kế hoạch huy động gần 300 tỷ bao gồm phát hành thêm cổ phiếu mới (91 tỷ đồng) và phát hành trái phiếu trơn (tối đa 200 tỷ đồng), giả định lãi suất 10%/năm, tương ứng lãi trái phiếu khoảng 20 tỷ đồng. Ban lãnh đạo sử dụng nguồn vốn như thế nào để hiệu quả?

- VPR đầu tư BĐS khu công nghiệp, BĐS thương mại là loại hình đầu tư vốn ban đầu lớn, ban HĐQT nên thành lập Ban tài chính đảm bảo dòng tiền chi trả lãi trái phiếu.

Chủ tọa trả lời:

Vinaprint huy động vốn dưới hai hình thức, phát hành thêm cổ phần mới và huy động trái phiếu.

- Vốn tăng thêm từ phát hành cổ phần mới, công ty đang có kế hoạch sử dụng nguồn vốn này một phần trả nợ ngân hang để giảm chi phí lãi vay khoảng 3 tỷ/năm; phần còn lại đầu tư vào các công ty ngành Logistics, bất động sản khu công nghiệp, cảng biển...

- Vốn huy động thêm từ phát hành trái phiếu khoảng 200 tỷ đồng, lãi vay phải trả mỗi năm 20 tỷ đồng, tương đương lãi suất khoảng 10%/năm. Công ty sẽ tiến hành các kế hoạch để sử dụng nguồn vốn này hiệu quả, Công ty cũng sẽ xem xét thành lập Tiểu ban tài chính để kiểm soát các khoản đầu tư nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận. Về định hướng, Vinaprint từng bước chuyển đổi và hoạt động theo mô hình Holdings, tập trung vào các mảng bất động sản công nghiệp, cho thuê kho bãi, kho lạnh, bất động sản thương mại, đây là các mảng tiềm năng, Công ty cũng đã có nhiều kinh nghiệm trong việc đầu tư các mảng này, điển hình là tòa nhà Vinabuilding đang hoạt động rất hiệu quả. Công ty cũng sẽ thực hiện thảo luận và hướng đến mục tiêu tìm kiếm các nguồn vốn để đảm bảo mức lãi suất thấp nhất, cũng như thực hiện đầu tư các dự án đảm bảo dòng tiền chi trả lãi vay.

2.19. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022

Ông Lê Duy Hiệp trình bày và điều khiển đại hội thông qua "Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022"

Với 100% cổ phần biểu quyết đồng ý, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022.

2.20. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022

Ông Lê Duy Hiệp trình bày và điều khiển đại hội thông qua "Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022"

Với 100% cổ phần biểu quyết đồng ý, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022.

2.21. Thông qua Quy chế tham gia đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022

Bà Võ Thị Giang trình bày và điều khiển đại hội thông qua Quy chế tham gia đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022.

Với 100% cổ phần biểu quyết đồng ý, Đại hội đã thông qua Quy chế tham gia đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022.

2.22. Thông qua danh sách ứng viên ứng cử HĐQT và BKS

Bà Võ Thị Giang trình bày và điều khiển đại hội thông qua danh sách ứng viên ứng cử HĐQT và BKS.

Với 100% cổ phần biểu quyết đồng ý, Đại hội đã thông qua danh sách ứng viên ứng cử HĐQT và BKS.

2.23. Thông qua Thể lệ bầu cử thành viên HĐQT và BKS

Bà Võ Thị Giang trình bày và điều khiển đại hội thông qua Thể lệ bầu cử thành viên HĐQT và BKS.

Với 100% cổ phần biểu quyết đồng ý, Đại hội đã thông qua Thể lệ bầu cử thành viên HĐQT và BKS.

2.24. Cập nhật Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần VINAPRINT

Ông Trương Quang Hòa – Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông cập nhật báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự tính tới thời điểm 15 giờ 50 phút là 42 cổ đông, tổng số cổ phần của cổ đông tham dự là 4.195.684 cổ phần, chiếm 91,6892% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.25. Tiến hành bầu cử bổ sung HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017 - 2022

3. Công bố kết quả biểu quyết bằng thẻ biểu quyết:

Ông Trương Quang Hòa – Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết:

– **Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban Giám đốc**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2020**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không	0 cổ phần	0%

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
hợp lệ		
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Tờ trình nhóm cổ đông lớn mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu để nâng tỷ lệ sở hữu mà không thông qua thủ tục chào mua công khai**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

Riêng đối với việc thông qua Tờ trình này, các cổ đông là đối tượng chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng và người có liên quan của các cổ đông này không được tham gia biểu quyết, gồm:

Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu (không bao gồm cổ phần được ủy quyền)
- Công ty CP Đầu Tư New Asia	723.600
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	299.013
- Ông Bùi Minh Tuấn	305.055
Tổng cộng	**1.327.668**

Do đó, Ban kiểm phiếu thực hiện tách phiếu như sau:

Tính đến thời điểm biểu quyết:

❖ Tổng số cổ phần của các cổ đông là người có lợi ích liên quan (trình bày ở trên) tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội (không có quyền biểu quyết) là: **1.327.668 cổ phần, chiếm tỷ lệ 31,64%** trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

❖ Tổng số cổ phần của các cổ đông còn lại (không bao gồm các cổ đông là người có lợi ích liên quan như trình bày ở trên) tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội có quyền biểu quyết là 4.195.684 – 1.327.668 = **2.868.016 cổ phần, chiếm tỷ lệ 68,36%** trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

Tính tỷ lệ biểu quyết:

Tỷ lệ biểu quyết đối với Tờ trình này được tính trên tổng số **2.868.016** cổ phần tham dự Đại hội, kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
1. Biểu quyết thu về hợp lệ	**2.810.502 cổ phần**	**97,99%**
- Đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
2. Biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
3. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514** cổ phần	**2,01%**
Tổng cộng	**2.868.016 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Tờ trình phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Tờ trình về việc chuyển sàn giao dịch từ UPCOM sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

– **Thông qua Tờ trình về việc phát hành trái phiếu trơn (không chuyển đổi)**

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	**4. 138.170 cổ phần**	**98,6292%**
- Đồng ý	4. 138.170 cổ phần	98,6292%
- Không đồng ý	0 cổ phần	0%
- Không có ý kiến	0 cổ phần	0%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cổ phần	0%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	**57.514 cổ phần**	**1,3708%**
Tổng cộng	**4.195.684 cổ phần**	**100%**

4. Công bố kết quả bầu cử

Ông Trương Quang Hòa – Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử như sau:

- ***Kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị***

1. Ông Trần Xuân Ánh – đạt: 4.121.148 phiếu bầu, tương ứng với tỷ lệ 98,22%

- ***Kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát***

1. Bà Nguyễn Thị Thái Nhi – đạt: 4.118.691 phiếu bầu, tương ứng với tỷ lệ 98,16%
2. Bà Huỳnh Thị Phương Linh – đạt: 4.111.715 phiếu bầu, tương ứng với tỷ lệ 98,00%

5. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Bà Võ Thị Giang thay mặt Đoàn thư ký trình bày Biên bản và Nghị Quyết Đại hội.

Ông Bùi Tuấn Ngọc điều khiển Đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua nội dung Biên bản Đại hội.

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua nội dung Nghị quyết Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc lúc 16 giờ 50 phút cùng ngày.

TM. Thư ký đoàn	**Chủ tọa**
NGUYỄN THỊ YẾN NHI	**BÙI TUẤN NGỌC**

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 01/2021/NQ/ĐHĐCĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần VINAPRINT.*
- *Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 12/04/2021.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị *(Báo cáo đính kèm).*

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban Giám đốc *(Báo cáo đính kèm).*

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 *(Báo cáo đính kèm).*

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C *(Báo cáo tài chính đính kèm).*

Điều 5. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020 *(Tờ trình đính kèm),* cụ thể như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 (đã kiểm toán) của công ty đạt lợi nhuận sau thuế **6,113** tỷ và lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu là **1.336** đồng. Nhằm tạo điều kiện về vốn và thúc đẩy hoạt động SXKD cho công ty năm 2021, Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua chủ trương về việc không chia cổ tức năm 2020.

Điều 6. Thông qua Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021 (*Tờ trình đính kèm*).

I. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, HĐQT Công ty cổ phần VINAPRINT đã chi trả mức thù lao cho HĐQT và BKS trong năm 2020 (đã bao gồm 10% thuế thu nhập cá nhân) như sau:

- Thù lao cho Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT:	**4.444.440** đồng/người/tháng.
+ 4 Thành viên HĐQT:	**3.333.330** đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Ban kiểm soát:

+ Trưởng BKS:	**3.333.330** đồng/người/tháng.
+ 2 Kiểm soát viên:	**2.777.780** đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Thư ký HĐQT:

+ Thư ký HĐQT chính: **2.777.780** đồng/người/tháng.

+Thư ký HĐQT hỗ trợ: **1.666.668** đồng/người/tháng.

II. KẾ HOẠCH THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

- Thù lao cho Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT: **4.444.440** đồng/người/tháng.

+ 4 Thành viên HĐQT: **3.333.330** đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Ban kiểm soát:

+ Trưởng BKS: **3.333.330** đồng/người/tháng.

+ 2 Kiểm soát viên: **2.777.780** đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Thư ký HĐQT:

+ Thư ký HĐQT chính: **2.777.780** đồng/người/tháng.

+Thư ký HĐQT hỗ trợ: **1.666.668** đồng/người/tháng.

Thù lao của mỗi thành viên đã bao gồm 10% thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

Tổng mức thù lao năm 2021 là **373.333.176 đồng** *(Ba trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, một trăm bảy mươi sáu đồng).*

Điều 7. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ (*Tờ trình đính kèm*).

Điều 8. Thông qua Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (*Tờ trình đính kèm*).

Điều 9. Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (*Tờ trình đính kèm*).

Điều 10. Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (*Tờ trình đính kèm*).

Điều 11. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021 (*Tờ trình đính kèm*).

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Hội đồng quản trị sẽ căn cứ các tiêu chí như sau để lựa chọn công ty kiểm toán:

- Công ty kiểm toán trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021.
- Có uy tín và đảm bảo chất lượng.
- Phí kiểm toán hợp lý, đáp ứng được các yêu cầu của Công ty.

Điều 12. Thông qua Tờ trình nhóm cổ đông lớn mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu để nâng tỷ lệ sở hữu mà không thông qua thủ tục chào mua công khai (*Tờ trình đính kèm*).

- Thông qua việc Cổ đông Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Thiên Hải, Công ty CP Đầu Tư New Asia, Công ty CP Đầu Tư Vina và Ông Bùi Minh Tuấn thực

hiện mua cổ phiếu Công ty cổ phần VINAPRINT dẫn đến việc sở hữu đạt hoặc vượt mức 65% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần VINAPRINT thì không phải thực hiện chào mua công khai.

- Thời gian thực hiện: Sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua đến hết ngày 28/02/2022.

Điều 13. Thông qua Tờ trình phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (*Tờ trình đính kèm*).

A. PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU:

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN:

1. Tổng số lượng cổ phần phát hành:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần VINAPRINT
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ hiện tại: 45.759.850.000 đồng
- Số cổ phiếu lưu hành: 4.575.985 cổ phiếu
- Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Phương thức chào bán: Chào bán cổ phiếu ra công chúng
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện: 1:2
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 9.151.970 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 91.519.700.000 đồng
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể chuyển nhượng quyền mua một (01) lần duy nhất cho đối tượng khác.
- Phương án xử lý cổ phiếu không bán hết: Đối với cổ phiếu còn thừa do cổ đông hiện hữu không mua hết và/hoặc từ chối mua và/hoặc đến hết hạn đóng tiền mua cổ phiếu mà không đóng tiền mua (sau đây gọi tắt là "Số cổ phiếu còn lại"): ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng chào bán, giá chào bán theo nguyên tắc giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

  1. Đầu tư tài chính vào các công ty thuộc lĩnh vực Logistics, bất động sản KCN, cảng biển,...: 80.000.000.000 đồng

  2. Bổ sung vốn lưu động của Công ty: 11.519.700.000 đồng

- Thời gian thực hiện dự kiến: Sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt Phương án chào bán và được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán. Dự kiến trong năm 2021-2022.

II. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ CHÀO BÁN:

1. Giá trị sổ sách:

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 là: 15.043 đồng/cổ phần
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 là: 15.011 đồng/cổ phần

2. Giá chào bán:

Căn cứ vào thị giá hiện tại của cổ phiếu VPR và giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm 31/12/2020 cũng như đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành, ĐHĐCĐ quyết định mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần. Mức giá này góp phần đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu của Công ty và phù hợp với thị giá của cổ phiếu.

3. Pha loãng cổ phiếu sau khi chào bán:

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu phát hành (Ngày giao dịch không hưởng quyền"): giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$Ptc = \frac{(PRt\text{-}1 \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng CP đang lưu hành} + \text{Số lượng CP phát hành thêm}}$$

Trong đó:

- Ptc: Giá tham chiếu tại Ngày giao dịch không hưởng quyền
- PRt-1 : Giá đóng cửa của cổ phiếu trước phiên giao dịch không hưởng quyền
- PR: Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

Trong trường hợp giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán nhỏ hơn mệnh giá thì giá thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh Ngoài ra, trong đợt chào bán cổ phiếu có thể bao gồm các rủi ro pha loãng khác như: Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu - EPS (Earning Per Share); pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu - BVPS (Book Value Per Share)

B. PHÊ DUYỆT CÁC CÔNG VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ:

ĐHĐCĐ thông qua các nội dung liên quan đến tăng vốn điều lệ như sau:

1. Phê duyệt tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá cổ phiếu thực tế chào bán:

Phê duyệt tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phiếu thực tế chào bán theo phương án nêu tại Mục A.I và mục A.II trên đây.

2. Chỉnh sửa Điều lệ Công ty liên quan đến vốn điều lệ:

Phê duyệt việc sửa đổi Điều 5 Điều lệ Công ty (quy định về vốn điều lệ và tổng số cổ phiếu lưu hành) căn cứ vào kết quả thực tế của việc chào bán cổ phiếu theo phương án nêu tại Mục AI và Mục A.II trên đây.

C. ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT VÀ LƯU KÝ BỔ SUNG SỐ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM:

ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế

phát hành thêm theo phương án nếu tại Mục A.I và mục A.II, sau khi thực hiện báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN.

D. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho HĐQT các vấn đề sau:

- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp, sau khi có giấy chứng nhận chào bán của UBCKNN; Thực hiện các thủ tục phát hành theo đúng các quy định của pháp luật;
- Quyết định bổ sung, hoàn chỉnh và quy định chi tiết nội dung phương án phát hành và/hoặc sửa đổi bổ sung phương án phát hành khi cần thiết để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của các cổ đông;
- Xử lý số cổ phần dôi dư trong trường hợp các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết số cổ phần phát hành thêm. Thực hiện phân phối số cổ phần đó cho nhà đầu tư khác có nhu cầu đảm bảo phân phối theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu đã được thông qua.
- Xây dựng phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến.
- Xây dựng chi tiết phương án phân bổ vốn thu được từ đợt chào bán và lựa chọn thời điểm tiến hành giải ngân sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và cho Công ty.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu mới.
- Thực hiện các thủ tục Kiểm toán vốn; Thay đổi đăng ký kinh doanh, sửa đổi điều lệ với số vốn điều lệ mới tăng thêm;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký cổ phiếu bổ sung trên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với số cổ phần phát hành thêm.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM sau khi hoàn tất đợt phát hành.

Điều 14. Thông qua Tờ trình chuyển sàn giao dịch từ UPCOM sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) (*Tờ trình đính kèm*).

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần VINAPRINT
- Mã chứng khoán: VPR
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: 4.575.985 cổ phiếu
- Thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết: Dự kiến thực hiện trong năm 2021-2022.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

+ Chuẩn bị hồ sơ, thủ tục cần thiết và triển khai các công việc liên quan để thực hiện chuyển sàn giao dịch.
+ Lựa chọn thời điểm triển khai phù hợp.
+ Thực hiện các thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình chuyển sàn niêm yết.
+ Các công việc khác liên quan đến việc chuyển sàn giao dịch.

Điều 15. Thông qua Tờ trình về việc phát hành trái phiếu trơn (không chuyển đổi) (*Tờ trình đính kèm*).

1. Thông tin về tổ chức phát hành:

Tên doanh nghiệp	: Công ty Cổ phần VINAPRINT
Giấy CNĐKDN số	: Giấy đăng ký kinh doanh số: 0301306457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/09/2006, thay đổi lần thứ 14, ngày 24/12/2020
Địa chỉ	: Lầu 2, số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

2. Mục đích phát hành:

Số tiền huy động được từ đợt phát hành dự kiến sẽ được sử dụng để đầu tư vào các công ty lĩnh vực logistics, bất động sản KCN, cảng biển; đồng thời linh hoạt bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty.

3. Phương án phát hành:

Tên trái phiếu	Trái phiếu Công ty Cổ phần VINAPRINT
Loại trái phiếu	Trái phiếu thường, không có quyền chuyển đổi
Phương thức phát hành	Trái Phiếu được phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành
Đối tượng phát hành	Dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chuyên nghiệp là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có tiềm năng về tài chính
Tổng giá trị phát hành	Tối đa 200.000.000.000 đồng
Đồng tiền phát hành	Đồng Việt Nam (VNĐ)
Hình thức Trái Phiếu	Ghi sổ
Mệnh giá Trái Phiếu	1.000.000.000 đồng
Số lượng trái phiếu phát hành	Tối đa 200 Trái Phiếu
Giá Phát Hành	Bằng 100% mệnh giá

Kỳ hạn Trái Phiếu	Từ 03 đến 07 năm, kể từ ngày phát hành Trái Phiếu
Tài sản đảm bảo	Các tài sản hợp pháp của Công ty
Ngày phát hành dự kiến	Trong năm 2021, 2022
Lãi suất Trái Phiếu	Theo lãi suất thị trường
Hạn chế chuyển nhượng	Trái Phiếu không bị hạn chế chuyển nhượng
Kế hoạch bố trí nguồn vốn để mua lại trái phiếu và thanh toán lãi	Toàn bộ nguồn vốn để mua lại Trái Phiếu và thanh toán lãi sẽ đến từ tiền thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh và các nguồn khác
Phương thức thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu	- Khoản gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán một (1) lần vào (i) ngày đáo hạn; hoặc (ii) ngày mà các Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn hoặc do nguyên nhân khác; hoặc (iii) ngày mà các Trái Phiếu được mua lại theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu - Khoản lãi Trái Phiếu sẽ được thanh toán định kỳ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu
Các cam kết khác	Như được quy định cụ thể trong Các Điều Kiện Trái Phiếu

4. Ủy quyền

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc:

- Đàm phán và lựa chọn đối tượng nhà đầu tư phù hợp.
- Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của trái phiếu phát hành (khối lượng, lãi suất, kỳ hạn, và các điều khoản khác) phù hợp với tình hình thị trường và tình hình của Công ty tại thời điểm chào bán.
- Lựa chọn tổ chức tư vấn, đại lý phát hành.
- Quyết định nội dung và ký kết toàn bộ các tài liệu liên quan đến đợt phát hành trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn Hợp đồng tư vấn phát hành, Bản công bố thông tin; các Hợp đồng cầm cố, thế chấp; Hợp đồng đại lý đăng ký, lưu ký và thanh toán; Hợp đồng giữ, quản lý tài khoản trái phiếu và tài khoản dự phòng trả nợ và các cam kết với nhà đầu tư trái phiếu (nếu có) và các tài liệu sửa đổi, bổ sung, thay thế các tài liệu đó.
- Thực hiện các công việc liên quan khác để hoàn thành đợt phát hành trái phiếu theo quy định pháp luật.

Điều 16. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm

soát nhiệm kỳ 2017 – 2022 (*Tờ trình đính kèm*).

Điều 17. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 - 2022 (*Tờ trình đính kèm*).

Điều 18. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022, như sau:

- Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Ông Trần Xuân Ánh

- Ứng viên trúng cử thành viên Ban kiểm soát:

1. Bà Huỳnh Thị Phương Linh
2. Bà Nguyễn Thị Thái Nhi

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Điều 20. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần VINAPRINT biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 04 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

BÙI TUẤN NGỌC

CÔNG TY CP VINAPRINT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

***Kính thưa**: Quý vị cổ đông*

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaprint báo cáo quý vị cổ đông về tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") đối với Ban điều hành công ty ("BĐH") năm 2020 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021 như sau:

I. Kết quả hoạt động của công ty năm 2020:

Trong tình hình kinh doanh năm 2020 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid, HĐQT và BĐH vẫn luôn bám sát các mục tiêu đã đề ra, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ, triển khai dự án kho lưu trữ hồ sơ hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trữ chứng từ.

- **Kết quả kinh doanh năm tài chính 2020:**
  - Doanh thu thuần đạt: 69,692 tỷ đồng, tăng 14,67% so với thực hiện năm 2019
  - Lợi nhuận trước thuế đạt: 7,155 tỷ đồng, tăng 73,12% so với thực hiện năm 2019
  - Tỷ trọng LNTT/Doanh thu thuần năm 2020: 10,3%

II. Các hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020:

1) Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"):

HĐQT Công ty năm 2020 là 05 người, gồm 01 chủ tịch HĐQT (do Ông Bùi Tuấn Ngọc làm Chủ tịch HĐQT) và 04 thành viên HĐQT.

2) Các hoạt động của HĐQT niên độ tài chính 2020

- Để thực hiện các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao, HĐQT Công ty đã triển khai các hoạt động theo điều lệ Công ty, tuân thủ luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.
- Trong năm 2020 có 09 phiên họp HĐQT, 01 lần xin ý kiến, ban hành 09 nghị quyết.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong vai trò xây dựng định hướng chiến lược tổng thể và mục tiêu hoạt động của Công ty, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- HĐQT thông qua việc ngừng hoạt động in ấn và lấy lại xưởng Hiệp Phước phát triển mảng kho lưu trữ hồ sơ; trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc tiến độ của dự án kinh

doanh dịch vụ kho lưu trữ hồ sơ tại địa chỉ: B16, đường số 8, KCN Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP.HCM.

III. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2020:

Năm 2020, HĐQT đã tích cực triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, kết quả cụ thể như sau:

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN
Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2020: - Doanh thu: 63,45 tỷ đồng. - Lợi nhuận trước thuế : 8,665 tỷ đồng.	**Hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu** - Doanh thu thực hiện 2020: 69,692 tỷ đồng bằng 109,8% so với kế hoạch 2020 và tăng 14,67% so với thực hiện 2019. - Lợi nhuận thực hiện 2020: 7,155 tỷ đồng bằng 82,6% so với kế hoạch 2020 và tăng 73,12% so với thực hiện 2019.
Lựa chọn Đơn vị kiểm toán cho niên độ tài chính 2020.	Đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn (A & C)
Thực hiện các hoạt động giám sát nhằm tăng cường hiệu quả, quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.	Luôn bám sát tình hình hoạt động kinh doanh và có chỉ đạo kịp thời cho Ban điều hành trong hoạt động kinh doanh.
Thay đổi tên công ty, tăng vốn điều lệ công ty	Đã thực hiện
Phương án chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu (tỷ lệ thực hiện: 10:1)	Đã thực hiện.

IV. Kết quả giám sát và hỗ trợ của HĐQT đối với Ban điều hành:

- HĐQT luôn quan tâm sâu sát đến hoạt động kinh doanh của Công ty, từ đó, đưa ra các chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác tìm kiếm khách hàng mới cũng như cung cấp các thông tin về thị trường và khách hàng tiềm năng.
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, quản trị rủi ro, tăng cường các nguyên tắc và quy chế quản trị Công ty, cụ thể:
  + Hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ, quy chế quản lý chi phí, quy chế lương, thưởng.

+ Phân tích hiệu quả của các bộ phận, lập báo cáo quản trị chi tiết theo từng bộ phận.

- Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho HĐQT được BĐH thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với BĐH.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT được triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT.

V. Báo cáo thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị năm 2020:

1) Thù lao:

ĐVT: đồng

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao	Ghi chú
1	Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	53.333.333	
2	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	39.999.960	
3	Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	39.999.960	
4	Võ Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	39.999.960	
5	Hoàng Phong Giao	Thành viên HĐQT	39.999.960	
	Tổng cộng		**213.333.173**	

VI. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Phấn đấu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2021:

ĐVT:đồng

STT	CHỈ TIÊU	KH 2021	(%) so với thực hiện 2020
1	Tổng doanh thu	42.300.000.000	61%
2	Lợi nhuận trước thuế	10.600.000.000	148%

+ Cho thuê kho và giao nhận: Tăng cường hệ thống kho bãi, đầu tư thêm kệ sàn tại các kho để tối ưu hóa diện tích 20% - 30% cho thuê, hoàn thiện các quy trình quản lý khách hàng, kho hàng.
+ Mở rộng thêm loại hình kinh doanh: Lưu trữ File hồ sơ cứng, mềm, các giấy tờ có giá...khách hàng mục tiêu là bệnh viện, ngân hàng, trường học, các công ty tài

chính, bảo hiểm, các doanh nghiệp có lượng hồ sơ lưu trữ lớn và dài hạn, đã đưa vào hoạt động từ tháng 01/2021. Đây xác định là hướng đi mới đảm bảo hiệu quả lâu dài, đồng thời cơ cấu nguồn lao động đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty.

+ Hoạt động cho thuê cao ốc văn phòng: Duy trì tốt việc quản lý hoạt động kinh doanh cao ốc Vinabuilding, đảm bảo tỷ lệ lắp đầy là 100%. Đây là mảng hoạt động mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty năm 2021.

- Thực hiện các hoạt động tăng cường hiệu quả quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiểm soát tốt chi phí, kiểm soát đầu tư, khai thác, sử dụng các bất động sản đầu tư, đầu tư hợp lý để tạo ra sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá cả hợp lý nhằm tối đa hóa giá trị Công ty, tối đa hóa lợi nhuận.
- Năm 2021 Công ty sẽ duy trì Công tác đào tạo nguồn lực phục vụ tốt hoạt động kinh doanh cho các Phòng ban, đảm bảo hoạt động ổn định và phát triển. Luôn coi trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, coi yếu tố con người là yếu tố quyết định của Công ty, chăm lo cải thiện đời sống người lao động.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2020 và kế hoạch của năm 2021. Tuy còn nhiều khó khăn trước mắt nhưng HĐQT tin tưởng vào nỗ lực của HĐQT và BĐH cùng toàn thể cán bộ Công nhân viên, Công ty sẽ hoàn thành kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÙI TUẤN NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
----------oOo----------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 & KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I/ BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020:

	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Tỷ lệ %	
					KH 2020	TH 2019
1	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	63.450.000.000	69.692.174.379	60.776.285.362	109,8%	114,6%
2	Giá vốn hàng bán		54.994.738.681	49.470.428.915		111,2%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV		14.697.435.698	11.305.856.447		130%
4	Doanh thu hoạt động tài chính		179.948.822	306.208.112		58,7%
5	Chi phí tài chính		4.385.205.734	1.713.342.354		255,9%
6	Chi phí bán hàng		797.834.501	1.649.889.759		48,35%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.561.732.725	4.240.195.625		83,99%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh		6.132.611.560	4.008.636.821		153%
9	Thu nhập khác		1.081.459.002	364.777.827		296,47 %
10	Chi phí khác		58.980.225	239.743.835		24,6%
11	Lợi nhuận khác		1.022.478.777	125.033.992		817,76 %
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.665.000.000	7.155.090.337	4.133.670.813	82,6%	173,1%
13	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành		1.042.436.710	788.492.662		132,2%
14	Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại		-	128.225.977		
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN		6.112.653.627	3.216.952.174		190%

➢ ***Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty:***

+ Nhìn chung hoạt động kinh doanh trong năm 2020 của Công ty đạt kết quả khả quan, doanh thu tăng trưởng chủ yếu từ mảng cho thuê cao ốc văn phòng VinaBuilding. Lợi nhuận gộp năm 2020 cải thiện rõ rệt, tăng 73,1% so với năm 2019.

+ **Doanh thu năm 2020 đạt 69.692.174.379 đồng, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra 9.8%, trong đó tỷ trọng các mảng kinh doanh cụ thể như sau:**
Doanh thu từ hoạt động in ấn và bán thanh lý thiết bị - vật liệu ngành in chiếm 42.9% tổng doanh thu với giá trị là 29.880.950.247 đồng.
Doanh thu từ hoạt động cho thuê cao ốc văn phòng Vina Building chiếm 33.7% tổng doanh thu với giá trị là 23.514.731.615 đồng.
Doanh thu từ hoạt động cho thuê kho bãi chiếm 21.3% tổng doanh thu với giá trị là 14.855.904.634 đồng.

Doanh thu cho thuê nhà xưởng Hiệp Phước chiếm 2.1% tổng doanh thu với giá trị là 1.440.587.883 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 7,155 tỷ chỉ đạt 82.6% so với KH, chi tiết cụ thể từng phòng ban như sau:

Doanh thu hoạt động in ấn và bán nguyên vật liệu ngành in:
Năm 2020 đạt 29,8 tỷ tăng 25% so với KH, Trong năm 2020 lỗ -1,98 tỷ. Lý do từ tháng 7/2020 Công ty đã ngừng và thanh lý toàn bộ hoạt động in và chuyển đổi 7 LĐ chuyển qua công việc mới cho 20 lao động nghỉ việc (chiếm 44% tổng số LĐ trong đó có 2 nghỉ hưu và 18 thôi việc). Doanh thu in tăng và lợi nhuận giảm chủ yếu là do từ tháng 07/2020 ngừng in, thanh lý máy móc thiết bị, vật tư ngành in, lấy lại xưởng Hiệp Phước để triển khai dự án kinh doanh dịch vụ kho lưu trữ hồ sơ.

Doanh thu hoạt động cho thuê kho bãi: Năm 2020 đạt 14,8 tỷ chiếm 99% so với KH, lợi nhuận 559tr đạt 47% so với KH, hoạt động kho bãi ổn định.

Doanh thu cho thuê cao ốc văn phòng Vina Building: Năm 2020 đạt 23,5 tỷ vượt 2% so với KH, lợi nhuận đạt 9 tỷ vượt 6% so với KH.

Doanh thu cho thuê nhà xưởng Hiệp Phước – kho lưu trữ hồ sơ: Năm 2020 đạt 1,44 tỷ, lợi nhuận -661tr nguyên nhân chủ yếu là do dự án kho lưu trữ hồ sơ đang triển khai, chưa phát sinh doanh thu.

Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác: Năm 2020 đạt 320tr, lợi nhuận 219tr.

➢ ***Xây dựng các Quy trình Quản lý SXKD:***

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO - 9001: 2015, kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào và chi phí đầu ra.

➢ ***Công tác chăm lo người lao động – đào tạo nguồn nhân lực:***

- Trong năm qua tuy gặp nhiều khó khăn do diễn biến phức tạp của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19, Hoạt động in ngừng SX, Lao động giảm trên 44%, thu nhập giảm. Tuy nhiên BGĐ cùng BCH CĐ Công ty vẫn cố gắng chăm lo đời sống người lao động, BĐH tặng quà cho CBCNV nhân dịp sinh nhật, 8/3, và các ngày lễ lớn: 30/4, 1/6, 2/9, 20/10.... Đời sống vật chất, tinh thần được ổn định.
- Trong năm qua, do tình hình diễn biến phức tạp của, công ty không tổ chức nghỉ mát cho người lao động.
- Thông qua Hội nghị người lao động hàng năm phát động phong trào thi đua hoàn thành tốt KH. BGĐ vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ quy định theo thỏa ước LĐTT ký kết với người LĐ. Xây dựng thang chế độ bảng lương mới cho từng chức danh làm cơ sở thước đo đánh giá năng lực.
- Thực hiện tốt chế độ chính sách với người lao động, chăm lo sức khỏe thông qua việc khám chữa bệnh định kỳ hàng năm, chế độ bảo hiểm tai nạn.
- Công tác đào tạo nguồn nhân lực: Năm 2020 Công ty đào tạo nguồn lực phục vụ hoạt động kinh doanh: đào tạo nội bộ khóa học kỹ năng quản lý kho bãi cho nhân viên phòng kho vận giao nhận; được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi của ban lãnh đạo Công ty CP Transimex, BGĐ đã tổ chức chuyến học tập quy trình vận hành và quản lý kho bãi tại ICD Bình Dương và Khu công nghệ cao Quận 9 cho nhân viên phụ trách kho, lớp Giám đốc kinh doanh dành cho đội ngũ Quản lý phòng kinh doanh; phòng kế toán thường xuyên tham gia các chương trình do kiểm toán đào tạo, cập nhật liên tục thay đổi về chính sách thuế, luật doanh nghiệp và luật chứng khoán, đảm bảo tuân thủ đúng quy định.
- Hàng quý phối hợp cùng công đoàn triển khai thực hiện các Quy định thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong đơn vị, tổ chức thực tập PCCC và ATLĐ đảm bảo an toàn cho hoạt động SXKD.

Thông qua các hoạt động của công ty, người lao động đã nhận thức tốt hơn, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tuân thủ nội quy Công ty, thi đua tăng năng suất lao động, bảo đảm công tác PCCC, An toàn VSLĐ tại nơi làm việc.

II/ PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021:

1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021: *ĐVT: triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2020		KẾ HOẠCH 2021		%	
		Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận	DT	LN
1	Kinh doanh In ấn	29.881	-1.984	-	-	-	-
2	Kinh doanh KVGN	14.855	559	15.660	600	105%	107%
3	Kinh doanh Cao ốc Vina Buiding	23.515	9.021	23.600	9.800	101%	111%
4	Thu nhập tài chính, TN khác	180	220	-	-	-	-
5	Kinh doanh Kho hồ sơ - BĐS	1.440	-661	3.040	200	211%	-30%
	CỘNG	**69.871**	**7.155**	**42.300**	**10.600**	**61%**	**148%**

+ Tổng doanh thu: ***42.300 triệu đồng***

+ Tổng lợi nhuận trước thuế: ***10.600 triệu đồng***

+ Hoạt động cho thuê kho hàng tổng hợp:

- Tăng cường hệ thống kho bãi, đầu tư thêm kệ để tối ưu hóa diện tích cho thuê, hoàn thiện các quy trình quản lý khách hàng, kho hàng. Áp dụng Hệ thống quản lý hàng hoá bằng phần mềm quản lý barcode; tăng cường công tác quảng cáo hoàn thiện chất lượng phục vụ nhập xuất hàng hoá.

+ Hoạt động cho thuê Cao ốc Vina Building: Duy trì tốt việc quản lý hoạt động kinh doanh cao ốc Vinabuilding. Đây là mảng hoạt động mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty năm 2021.

+ Hoạt động cho thuê kho lưu trữ hồ sơ: Đã đi vào hoạt động từ tháng 1/2021 Công ty đang cường tìm kiếm khách hàng, mục tiêu trong năm sẽ khai thác 40 - 50% công xuất của kho hồ sơ, nhắm đến các khách hàng tiềm năng là Ngân hàng, Bảo hiểm, Bệnh viện....

+ Dự án Phú Lâm:

- Hiện tại Công ty thuê đơn vị tư vấn làm thủ tục với Sở tài nguyên và Môi trường để xin chuyển đổi và hoàn thiện hồ sơ Pháp lý nhà xưởng Phú Lâm tại Quận 6 dự kiến sẽ hoàn tất trong năm nay.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực:

- Năm 2021 Công ty sẽ duy trì Công tác đào tạo nguồn lực phục vụ tốt hoạt động sản xuất kinh doanh cho các Phòng ban, đào tạo nội bộ; luôn coi trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, coi yếu tố con người là yếu tố quyết định của Công ty, chăm lo cải thiện đời sống người lao động.

Trên đây là báo cáo hoạt động của BGĐ trong năm 2020 và kế hoạch của năm 2021. Tuy còn nhiều khó khăn trước mắt nhưng tin tưởng vào nỗ lực của HĐQT và BĐH cùng toàn thể cán bộ Công nhân viên, Công ty sẽ hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2021.

Rất mong toàn thể quý cổ đông ủng hộ.

Kính chúc quý vị đại biểu, quý vị cổ đông nhiều sức khỏe. hạnh phúc và thành đạt.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

HOÀNG PHONG GIAO

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

*****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO
KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Căn cứ:

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Vinaprint;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và năm 2020;
- Báo cáo tài chính năm 2019 và năm 2020 của Công ty do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán.

Ban kiểm soát báo cáo đánh giá tình hình hoạt động năm 2020 của Công ty cổ phần Vinaprint với Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tình hình hoạt động trong năm của Ban kiểm soát

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã có 04 cuộc họp, tỷ lệ tham dự cuộc họp là 100%.

2. Thù lao của ban kiểm soát:

Trong năm 2020, thù lao của các thành viên BKS được nhận theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (đã bao gồm 10% thuế thu nhập cá nhân) với tổng mức thù lao là: 106.666.680 đồng. Trong đó:

+ Trưởng Ban kiểm soát: 3.333.330 đồng / tháng x 12 tháng = 39.999.960 đồng
+ Kiểm soát viên: 2.777.780 đồng / tháng x 12 tháng x 2 người = 66.666.720 đồng

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

1. So sánh kết quả kinh doanh năm 2020 với năm 2019

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch 2020/2019 (%)
1	**Doanh thu thuần**	**60.776.285.362**	**69,692,174,379**	**14.67%**
1.1	Doanh thu sản phẩm, dịch vụ in ấn	38.571.651.060	29,880,950,247	-22.53%

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch 2020/2019 (%)
1.2	Doanh thu dịch vụ kho vận, giao nhận	9.227.812.274	14.855.904.634	60.99%
1.3	Doanh thu kinh doanh BĐS	10.142.798.906	1.440.587.882	-85.8%
1.4	Doanh thu kinh doanh Cao ốc Vina Building	-	23.514.731.615	100,00%
1.5	Doanh thu khác	2.834.023.122		-100%
2	**Giá vốn hàng bán**	**49.470.428.915**	**54,994,738,681**	**11.17%**
	Trong đó:			
2.1	Giá vốn của sản phẩm, dịch vụ in ấn	35.435.287.116	30.440.947.274	-14.09%
	Tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu sản phẩm, dịch vụ in ấn	*91,87%*	*101.87%*	
2.2	Giá vốn dịch vụ kho vận, giao nhận	6.883.021.718	12.570.266.085	82.68%
	Tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu dịch vụ kho vận, giao nhận	*74,59%*	*84.61%*	
2.3	Giá vốn hoạt động cho thuê mặt bằng	4.673.834.589	1.257.065.152	-73.1%
	Tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu cho thuê mặt bằng	*46,08%*	*87.26%*	
2.4	Giá vốn kinh doanh cao ốc Vina Building	-	10.691.591.296	100,00%
	Tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu KD BD		*45.47%*	
2.5	Giá vốn khác	2.478.285.492	34.868.874	-98.59%
	Tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu khác	*87%*	*100%*	
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**306.208.112**	**179.948.822**	**-41.23%**
4	**Chi phí tài chính**	**1.713.342.354**	**4.385.205.734**	**155.94%**
5	**Chi phí bán hàng**	**1.649.889.759**	**797.834.501**	**-51.64%**
5.1	Chi phí bán hàng sản phẩm, dịch vụ in ấn	1.449.653.759	623.398.501	-57.00%
5.2	Chi phí bán hàng dịch vụ kho vận, giao nhận	149.437.000	174.436.000	16.73%
5.3	Chi phí bán hàng hoạt động quản lý BĐS	-	-	
5.4	Chi phí kinh doanh cao ốc Vina Building	-	-	
5.4	Chi phí bán hàng hoạt động khác	50.799.000		-100,00%
6	**Chi phí quản lý Doanh nghiệp**	**4.240.195.625**	**3.561.732.725**	**-16%**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch 2020/2019 (%)
6.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.953.104	18.332.953	-29.36%
6.2	Chi phí nhân công	2.147.640.478	2.071.096.308	-3.56%
6.3	Thuế, phí và lệ phí	40.704.553	28.193.945	-30.74%
6.4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	758.263.110	666.172.774	-12.14%
6.5	Chi phí khác	1.267.634.380	777.936.746	-39.54%
7	**Thu nhập khác**	**364.777.827**	**1.081.459.002**	**196.47%**
7.1	Lãi thanh lý tài sản cố định	-	364.710.664	100%
7.2	Thu nhập từ thanh lý NVL, CCDC sản xuất	8.392.250	-	-100%
7.3	Thu tiền bồi thường đặt cọc, mất mát hàng hóa	318.981.000	173.339.000	-45.66%
7.4	Thu nhập từ vật tư thừa kiểm kê	-	-	
7.5	Thu nhập khác	37.404.577	543.409.338	1,353%
8	**Chi phí khác**	**239.743.835**	**58.980.225**	**-75.4%**
9	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**4.133.670.813**	**7.155.090.337**	**73.09%**

Theo đánh giá của Ban kiểm soát, doanh thu thuần năm 2020 tăng so với năm 2019, tăng 14.67% tương đương 8,9 tỷ đồng; trong đó, kinh doanh cao ốc Vina building đạt doanh thu 23,5 tỷ, bên cạnh đó doanh thu từ dịch vụ kho vận, giao nhận tăng mạnh 60,99% tương đương 5,6 tỷ. Tuy nhiên, doanh thu từ sản phẩm và dịch vụ in ấn năm 2020 có sự giảm sút, giảm 22,53% so với doanh thu năm 2019, tương đương khoảng 8,6 tỷ đồng.

Giá vốn của sản phẩm, dịch vụ in ấn giảm 14,09% so với năm 2019, giá vốn của hoạt động dịch vụ thuê kho vận tăng mạnh 82,68% trong năm 2020.

Năm 2020, chi phí bán hàng giảm 51,64% và tổng chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 16% so với năm 2019.

Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 7,1 tỷ đồng, tăng 73,09% so với năm 2019.

2. So sánh kết quả kinh doanh năm 2020 với kế hoạch 2020

Theo báo cáo của Ban điều hành, kết quả kinh doanh 2020 cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

STT	Hoạt động kinh doanh	Kế hoạch 2020		Thực hiện 2020		Thực hiện 2020/ Kế hoạch 2020	
		Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế(*)	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
1	Kinh doanh SX in	24.000.000.000	(1.235.000.000)	29.880.950.247	(1.984.524.021)	124.5%	-160.69%

STT	Hoạt động kinh doanh	Kế hoạch 2020		Thực hiện 2020		Thực hiện 2020/ Kế hoạch 2020	
		Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế(*)	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
2	Kinh doanh KVGN	15.000.000.000	1.200.000.000	14.855.904.634	559.312.957	99.04%	46.61%
3	Kinh doanh cao ốc Vina Building	23.000.000.000	8.500.000.000	23.514.731.615	9.021.799.445	102.24%	106.14%
4	Kinh doanh BĐS	950.000.000	200.000.000	1.440.587.882	(661.323.443)	151.64%	-330.66%
5	Thu nhập tài chính, TN khác	0	0		219.825.399		100%
6	Kinh doanh kho hồ sơ	500.000.000					
	Tổng cộng	**63.450.000.000**	**8.665.000.000**	**69.692.174.379**	**7.155.090.337**	**109,84%**	**82.57%**

Ghi chú:

(*) Số liệu lợi nhuận trước thuế của các mảng hoạt động dựa trên Báo cáo quản trị của Ban điều hành. Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp được Ban điều hành phân bổ theo:

- Từ tháng 01/2020 – tháng 07/2020:Tỷ lệ 50% đối với dịch vụ in ấn, 32% đối với dịch vụ kho vận, giao nhận và 18% đối với dịch vụ quản lý BĐS.

- Từ tháng 08/2020 – tháng 12/2020:Tỷ lệ 65% đối với dịch vụ kho vận, giao nhận và 35% đối với dịch vụ quản lý BĐS – kho lưu trữ hồ sơ Hiệp Phước.

Với số liệu trên, Ban kiểm soát đánh giá hoạt động kinh doanh năm 2020 đạt mức kế hoạch doanh thu đã đề ra. Doanh thu thực hiện đạt 109.84% so với kế hoạch. Tuy nhiên, việc kiểm soát chi phí chưa mang lại hiệu quả dẫn đến lợi nhuận thấp, chưa đạt kế hoạch lợi nhuận đặt ra. Lợi nhuận thực hiện chỉ đạt 82.57% so với kế hoạch.

III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

Qua nghiên cứu Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C và các hồ sơ có liên quan, Ban Kiểm soát có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với số liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C thực hiện; Ban kiểm soát cũng đồng ý rằng các số liệu tài chính này cũng có thể thay đổi theo quyết định duyệt quyết toán của cơ quan thuế.
2. Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của Công ty, Ban kiểm soát đánh giá tóm tắt về tình hình tài chính của Công ty như sau:

a) Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu:

Tại thời điểm 31/12/2020, vốn chủ sở hữu đã tăng từ 62.577.840.846 đồng lên 68.690.494.473 đồng, tương đương tăng thêm 9,77% so với thời điểm 31/12/2019.

b) Tình hình tăng giảm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dỡ dang

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện đầu tư thêm Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với tổng giá trị đầu tư là 321.029.243 đồng, đồng thời thanh lý máy móc thiết bị ngành in với giá trị thanh lý 3.999.090.909 đồng.

c) Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn & tiền gửi kỳ hạn

Tính đến thời điểm 31/12/2020, Công ty có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn chi tiết như sau:

Hạng mục/ Loại cổ phiếu	Số lượng (cp)	Giá mua (đồng/cp)	Giá trị (đồng)	Ghi chú
Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Á Châu	15.000	25.000	375.000.000	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn	500.000	10.000	5.015.000.000	
Tiền gửi kỳ hạn gốc không quá 3 tháng			3.804.931.507	
Cộng			9.194.931.507	

d) Tình hình nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2020, số dư các khoản phải thu ngắn hạn là 11.040.567.290 đồng; trong đó phải thu ngắn hạn của khách hàng là 9.064.092.832 đồng.

Một số khoản nợ phải thu khó đòi (trên 10 triệu đồng) đã trích lập dự phòng đến thời điểm 31/12/2019 gồm:

STT	Tên đơn vị nợ	Số nợ phải thu	Số đã trích lập dự phòng	Ghi chú
1	Công ty CP Dịch vụ Quảng cáo Hà Nội	689.576.000	570.218.000	
2	Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.313.036.574	699.141.560	
3	Khoản phải thu khác	192.414.760		
4	Trả trước cho người bán	318.762.096		
	Cộng	**2.513.789.430**	**1.269.359.560**	

Các khoản công nợ khó đòi ở trên đều phát sinh từ những năm trước. Trong năm 2020 Công ty thu hồi được 1.244.429.870 đồng từ khoản phải thu khó đòi đồng thời trích lập dự phòng bổ sung trong năm là 11.474.660 đồng.

e) Tình hình Hàng tồn kho:

Đến thời điểm 31/12/2020, chi tiết hàng tồn kho của Công ty như sau:

ĐVT: đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
Nguyên liệu, vật liệu	6.606.996.745	
Công cụ, dụng cụ	128.650.758	59.221.090
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	2.471.496.243	218.915.704
Hàng hóa	218.709.999	1.264.486.096
Cộng	**9.425.853.745**	**1.542.622.890**

Số dư hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2020 đã giảm 83.63% so với đầu kỳ, tương đương khoảng 7,88 tỷ đồng, trong đó, hàng tồn kho nguyên vật liệu giảm 100% so với cuối năm 2019.

f) Tình hình Nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2020, tình hình nợ phải trả của Công ty như sau:

ĐVT: đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	Ghi chú
Nợ ngắn hạn	**43.471.147.668**	**21.278.418.315**	
Vay và nợ ngắn hạn	15.821.136.675	9.000.000.000	
Phải trả người bán	15.058.074.569	5.123.839.794	
Người mua trả tiền trước	1.154.976.535	6.598.580	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.005.394.187	659.972.052	
Phải trả người lao động	1.233.281.087	820.101.599	
Chi phí phải trả	91.424.658	16.116.000	
Các khoản phải trả. phải nộp ngắn hạn khác	2.827.113.322	2.360.011.998	
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	5.526.644.503	2.538.676.160	
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	753.102.132	753.102.132	
Nợ dài hạn	**46.615.474.700**	**38.028.475.260**	
Phải trả dài hạn khác	6.115.474.700	5.528.475.260	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	40.500.000.000	32.500.000.000	
Cộng	**90.086.622.368**	**59.306.893.575**	

Theo nhận xét của Ban kiểm soát, nợ phải trả của Công ty phần lớn là Khoản vay và nợ ngắn hạn 9 tỷ đồng và vay dài hạn 32,5 tỷ đồng. So với thời điểm cuối năm 2019, khoản vay và nợ ngắn hạn giảm 6,8 tỷ đồng, khoản phải trả người bán giảm 10 tỷ đồng, vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm 8 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2020.

Khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn là để đầu tư xây dựng dự án xây Cao ốc Văn phòng Vina Building tại địa chỉ 131 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q.Bình Thạnh, TP.HCM.

IV. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2020, BKS nhận thấy HĐQT, Ban điều hành tuân thủ tương đối đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua và quy định nội bộ của công ty, cụ thể:

- Các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng trình tự và đúng thẩm quyền theo quy định, phù hợp các kế hoạch mà ĐHĐCĐ đã giao.
- Ban điều hành đã bám sát, triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Trong năm 2020, Công ty không có xung đột lợi ích nào với những người liên quan.
- Trong năm 2020, Công ty đã chấp hành đúng chế độ hạch toán kế toán theo các quy định pháp luật hiện hành.

V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, HĐQT và Ban Giám đốc điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Do đó, BKS có điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ được giao

VI. KIẾN NGHỊ

Qua đánh giá, nhận xét hoạt động của Công ty về các mặt như trên, Ban kiểm soát có một vài kiến nghị với HĐQT và Ban điều hành Công ty như sau:

- Công ty cần tiếp tục rà soát lại các khoản đầu tư chứng khoán còn lại và công nợ phải thu tồn đọng để thoái, thu hồi dứt điểm các khoản vốn đã đầu tư cũng như xử lý nợ phải thu.
- Năm 2020, mặc dù doanh thu của công ty đã đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên việc kiểm soát chi phí chưa hiệu quả, đặc biệt là kiểm soát chi phí của hoạt động kinh doanh bất động sản và hoạt động Kho vận giao nhận dẫn đến lợi nhuận trước thuế của Công ty không đạt kế hoạch đề ra. Do đó, Công ty cần có những biện pháp tập trung và đẩy mạnh các hoạt động chính yếu để tăng trưởng doanh thu, đồng thời có những biện pháp kiểm soát tốt hơn về chi phí, đặc biệt là chi phí tài chính và các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp để việc tăng trưởng doanh thu thật sự tạo ra hiệu quả về lợi nhuận.
- Để tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý, đề nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành tiếp tục rà soát và cập nhật, bổ sung các Quy chế, quy định, quy trình tổ chức bộ máy và quản lý hoạt động kinh doanh, phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay (Ví dụ: Quy chế tài chính, Quy chế lương thưởng, mô tả công việc và KPI, quy trình/ quy định về quản lý công nợ và tạm ứng,…)

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên 2021 về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020 và một số kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành trong thời gian tới.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Thị Tường Vy

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 36
8.	Phụ lục	37 - 39

****

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaprint (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinaprint (tên cũ là Công ty Cổ phần In và Thương mại Vina) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp in số 2 thuộc Tổng công ty Văn hoá Sài Gòn theo Quyết định số 6654/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301306457 (số cũ 4103005261), đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 24 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lầu 2, Số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3820 0526
- Fax : +84 (028) 3820 0526

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần In và Thương mại Vina – Xưởng Hiệp Phước đặt tại địa chỉ: Lô B16 – Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh bất động sản, cho thuê cao ốc, văn phòng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quầy bar, quán rượu, quán giải khát có khiêu vũ);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới);
- Bốc xếp hàng hóa;
- Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý vận tải hàng hóa đường biển; Môi giới thuê tàu biển và máy bay; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành in;
- In sách, báo, tạp chí, văn hóa phẩm, nhãn hàng, giấy tờ quản lý kinh tế- xã hội (trừ in tráng bao bì kim loại, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan tại trụ sở);
- Mua bán vật tư ngành in;
- Dịch vụ gia công in;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Võ Hoàng Giang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Hoàng Phong Giao	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Uỷ viên	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Bà Lê Thị Tường Vi	Uỷ viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hoàng Phong Giao	Giám đốc	Ngày 20 tháng 6 năm 2012
Ông Nguyễn Ngọc Phụng	Phó Giám đốc	Ngày 22 tháng 7 năm 2014
Bà Nguyễn Kim Hậu	Phó Giám đốc	Ngày 01 tháng 9 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Tuấn Ngọc – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017).

Ông Bùi Tuấn Ngọc đã ủy quyền cho Ông Hoàng Phong Giao – Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy ủy quyền số 76/Invina/2020 ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

M.S.D.N: 0301306457 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT - QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch

Ngày 09 tháng 3 năm 2021

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn

bakertilly A&C
www.a-c.com.vn

Số: 1.0296/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vinaprint (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinaprint tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc	**Hồ Thị Kim Phi - Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1	*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3136-2020-008-1*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**25.532.946.804**	**41.755.334.241**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**6.483.372.441**	**4.168.658.304**
1. Tiền	111		2.678.440.934	3.838.658.304
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.804.931.507	330.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**5.390.000.000**	**5.390.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	5.390.000.000	5.390.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**11.040.567.290**	**17.714.561.966**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	9.064.092.832	15.767.575.326
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.126.655.458	1.740.004.474
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.117.434.694	1.462.925.348
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.269.359.560)	(1.316.844.900)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.743.866	60.901.718
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.7	**1.456.106.019**	**9.339.336.874**
1. Hàng tồn kho	141		1.542.622.890	9.425.853.745
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(86.516.871)	(86.516.871)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.162.901.054**	**5.142.777.097**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	183.673.455	650.153.237
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		979.227.599	4.492.623.860
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**102.464.441.244**	**110.909.128.973**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.337.575.680**	**891.717.120**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.337.575.680	891.717.120
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**1.425.628.553**	**5.579.347.704**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.425.628.553	5.579.347.704
- *Nguyên giá*	*222*		*3.427.704.248*	*17.046.819.854*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(2.002.075.695)*	*(11.467.472.150)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- *Nguyên giá*	*225*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- *Nguyên giá*	*228*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**V.10**	**98.456.102.350**	**95.077.346.629**
- Nguyên giá	231		108.215.772.383	101.150.440.457
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.759.670.033)	(6.073.093.828)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**331.327.445**	**7.983.144.383**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	331.327.445	7.983.144.383
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**913.807.216**	**1.377.573.137**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	905.522.284	1.369.288.205
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		8.284.932	8.284.932
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**127.997.388.048**	**152.664.463.214**

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**59.306.893.575**	**90.086.622.368**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**21.278.418.315**	**43.471.147.668**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	5.123.839.794	15.058.074.569
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.598.580	1.154.976.535
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	659.972.052	1.005.394.187
4. Phải trả người lao động	314		820.101.599	1.233.281.087
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		16.116.000	91.424.658
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	2.538.676.160	5.526.644.503
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a, c	2.360.011.998	2.827.113.322
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a, c	9.000.000.000	15.821.136.675
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	753.102.132	753.102.132
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**38.028.475.260**	**46.615.474.700**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b, c	5.528.475.260	6.115.474.700
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b, c	32.500.000.000	40.500.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**68.690.494.473**	**62.577.840.846**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**68.690.494.473**	**62.577.840.846**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	45.759.850.000	41.600.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*45.759.850.000*	*41.600.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	316.041.106	316.041.106
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	22.614.603.367	20.661.799.740
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*16.501.949.740*	*20.661.799.740*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*6.112.653.627*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**127.997.388.048**	**152.664.463.214**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Yến Nhi	Đoàn Thị Phương Linh	Hoàng Phong Giao
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	69.692.174.379	60.776.285.362
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		69.692.174.379	60.776.285.362
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	54.994.738.681	49.470.428.915
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.697.435.698	11.305.856.447
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	179.948.822	306.208.112
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	4.385.205.734	1.713.342.354
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.382.746.882	1.706.711.018
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	797.834.501	1.649.889.759
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.561.732.725	4.240.195.625
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.132.611.560	4.008.636.821
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	1.081.459.002	364.777.827
12.	Chi phí khác	32		58.980.225	239.743.835
13.	Lợi nhuận khác	40		1.022.478.777	125.033.992
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.155.090.337	4.133.670.813
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1.042.436.710	788.492.662
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	128.225.977
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.112.653.627	3.216.952.174
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a, b	1.336	703
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a, b	1.336	773

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Nguyễn Thị Yến Nhi	Đoàn Thị Phương Linh	Hoàng Phong Giao
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***7.155.090.337***	***4.133.670.813***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	4.794.763.953	2.911.154.897
-	Các khoản dự phòng	03	V.6	11.474.660	363.790.328
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7	(544.659.486)	(306.208.112)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.382.746.882	1.706.711.018
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***15.799.416.346***	***8.809.118.944***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.693.471.467	6.665.912.282
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.883.230.855	2.958.817.615
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.460.433.390)	6.200.950.676
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.211.312.543	(1.175.732.026)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(4.424.171.540)	(1.665.286.360)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(1.259.982.870)	(502.128.889)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***24.442.843.411***	***21.291.652.242***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 9, 11, 12	(11.465.649.830)	(58.919.102.479)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.999.090.909	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	534.932.450
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.3	163.698.822	460.599.572
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(7.302.860.099)***	***(57.923.570.457)***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16a	14.012.865.525	58.394.246.104
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16a	(28.834.002.200)	(34.383.155.180)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15a, VI.7	(4.132.500)	(1.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		*(14.825.269.175)*	*24.009.380.924*
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**2.314.714.137**	**(12.622.537.291)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**4.168.658.304**	**16.791.195.595**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**6.483.372.441**	**4.168.658.304**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Yến Nhi	Đoàn Thị Phương Linh	Hoàng Phong Giao

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Vinaprint (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: mua bán vật tư ngành in; dịch vụ gia công in; cho thuê cao ốc, văn phòng; mua bán máy móc thiết bị ngành in.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 23 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 62 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa nhà xưởng.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa nhà xưởng
Chi phí sửa chữa nhà xưởng cho thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

7. Tài sản thuê hoạt động
Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình
Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 - 35
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

9. Bất động sản đầu tư
Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Quyền sử dụng đất	41,5
Nhà	10 - 40

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	10.365.846	28.489.591
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.668.075.088	3.810.168.713
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	3.804.931.507	330.000.000
Cộng	**6.483.372.441**	**4.168.658.304**

2. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Á Châu	375.000.000	-	-	375.000.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn	5.015.000.000	8.800.000.000	-	5.015.000.000	5.850.000.000	-
Cộng	**5.390.000.000**	**8.800.000.000**	**-**	**5.390.000.000**	**5.850.000.000**	**-**

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	-	3.786.015.484
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	938.789.602	3.166.902.043
Công ty Cổ phần In và Thương mại Tân Vina	1.320.259.181	-
Các khách hàng khác	6.805.044.049	8.814.657.799
Cộng	**9.064.092.832**	**15.767.575.326**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Tân Phương Phát	1.491.600.000	-
Braillo Norway	-	959.643.750
Các nhà cung cấp khác	635.055.458	780.360.724
Cộng	**2.126.655.458**	**1.740.004.474**

Công ty không có số dư trả trước về mua sắm tài sản cố định (số đầu năm là 1.052.836.250 VND).

5. Phải thu khác

5a. *Phải thu ngắn hạn khác*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	418.575.579	-	937.754.738	-
Các khoản ký quỹ	263.016.201	-	263.016.201	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	16.250.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	419.592.914	-	262.154.409	(195.242.781)
Cộng	**1.117.434.694**	**-**	**1.462.925.348**	**(195.242.781)**

5b. *Phải thu dài hạn khác*

Phải thu các khoản ký quỹ dài hạn.

6. Nợ quá hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quảng Cáo Hà Nội	Trên 3 năm	689.576.000	119.358.000	Trên 3 năm	689.576.000	119.358.000
Phải thu khách hàng	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	481.982.448	376.506.436	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.361.987.436	1.361.987.436
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	379.944.926	192.657.678	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.834.556.283	1.790.851.283
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	13.902.000	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	13.902.000	5.897.500
	Trên 3 năm	437.207.200	44.730.900	Trên 3 năm	442.157.200	63.090.131
Các khoản phải thu khác	Trên 3 năm	192.414.760	192.414.760	Trên 3 năm	200.074.325	4.831.544
Trả trước cho người bán	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	318.762.096	318.762.096	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	349.234.578	228.627.028
Cộng		**2.513.789.430**	**1.244.429.870**		**4.891.487.822**	**3.574.642.922**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.316.844.900	953.054.572
Trích lập dự phòng bổ sung	11.474.660	363.790.328
Xử lý xóa sổ	(58.960.000)	-
Số cuối năm	**1.269.359.560**	**1.316.844.900**

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	6.606.996.745	(25.314.611)
Công cụ, dụng cụ	59.221.090	-	128.650.758	(61.202.260)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	64.639.551	-
Thành phẩm	218.915.704	-	2.406.856.692	-
Hàng hóa	1.264.486.096	(86.516.871)	218.709.999	-
Cộng	**1.542.622.890**	**(86.516.871)**	**9.425.853.745**	**(86.516.871)**

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm tài sản	13.635.932	81.193.375
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.000.008	96.119.633
Chi phí môi giới	21.778.511	97.785.876
Chi phí sửa chữa	-	229.260.156
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	142.259.004	145.794.197
Cộng	**183.673.455**	**650.153.237**

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.097.731	18.630.700
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	146.301.408	303.126.355
Chi phí môi giới	607.855.619	1.022.083.247
Các chi phí trả trước dài hạn khác	150.267.526	25.447.903
Cộng	**905.522.284**	**1.369.288.205**

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.523.436.384	14.417.877.288	1.105.506.182	17.046.819.854
Mua trong năm	-	161.029.243	160.000.000	321.029.243
Thanh lý trong năm	-	(13.760.144.849)	(180.000.000)	(13.940.144.849)
Số cuối năm	**1.523.436.384**	**818.761.682**	**1.085.506.182**	**3.427.704.248**
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	311.253.000	60.909.091	372.162.091
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	979.374.978	10.096.064.217	392.032.955	11.467.472.150
Khấu hao trong năm	78.997.308	728.800.024	128.070.818	935.868.150
Thanh lý trong năm	-	(10.338.764.605)	(62.500.000)	(10.401.264.605)
Số cuối năm	**1.058.372.286**	**486.099.636**	**457.603.773**	**2.002.075.695**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	544.061.406	4.321.813.071	713.473.227	5.579.347.704
Số cuối năm	**465.064.098**	**332.662.046**	**627.902.409**	**1.425.628.553**
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.446.926.680	96.703.513.777	101.150.440.457
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	7.467.672.119	7.467.672.119
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(402.340.193)	(402.340.193)
Số cuối năm	**4.446.926.680**	**103.768.845.703**	**108.215.772.383**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.339.350.374	4.733.743.454	6.073.093.828
Khấu hao trong năm	107.157.708	3.751.738.095	3.858.895.803
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(172.319.598)	(172.319.598)
Số cuối năm	**1.446.508.082**	**8.313.161.951**	**9.759.670.033**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.107.576.306	91.969.770.323	95.077.346.629
Số cuối năm	**3.000.418.598**	**95.455.683.752**	**98.456.102.350**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán cần phải được trình bày. Công ty hiện đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà xưởng tại lô B16 Khu công nghiệp Hiệp Phước	14.301.173.584	3.862.576.841	10.438.596.743
Quyền sử dụng đất tại lô B16 Khu công nghiệp Hiệp Phước	4.446.926.680	1.446.508.082	3.000.418.598
Cao ốc Vina Building tại 131 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 1, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	89.467.672.119	4.450.585.110	85.017.087.009
Cộng	**108.215.772.383**	**9.759.670.033**	**98.456.102.350**

Bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 98.456.102.350VND đã được cầm cố để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.16b).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Giảm khác	Kết chuyển vào BĐSĐT trong năm	Số cuối năm
Công trình dự án Phú Lâm	200.000.000	-	-	-	200.000.000
Công trình Cao ốc Văn phòng Vina Building	7.751.104.565	767.613.799	(1.051.046.245)	(7.467.672.119)	-
Công trình khác	32.039.818	99.287.627	-	-	131.327.445
Cộng	**7.983.144.383**	**866.901.426**	**(1.051.046.245)**	**(7.467.672.119)**	**331.327.445**

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm Kinh doanh An Thịnh - Liksin	626.051.276	1.544.424.530
Công ty TNHH Thiết bị phòng cháy và chữa cháy Thăng Long	-	7.324.135.253
Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng An Phú Long	-	3.282.180.000
Công ty Cổ phần In Và Thương Mại Tân Vina	2.980.877.900	-
Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Transimex	485.877.442	-
Các nhà cung cấp khác	1.031.033.176	2.907.334.786
Cộng	**5.123.839.794**	**15.058.074.569**

Công ty không có số dư phải trả người bán về mua sắm tài sản cố định (số đầu năm là 11.330.555.411 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	95.808.818	(95.808.818)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	451.024.211	1.042.436.710	(1.259.982.870)	233.478.051
Thuế thu nhập cá nhân	221.831.228	128.263.358	(256.139.332)	98.573.428
Tiền thuê đất	226.449.402	1.040.246.927	(1.040.246.928)	221.831.227
Các loại thuế khác	106.089.346	6.500.000	(6.500.000)	106.089.346
Cộng	**1.005.394.187**	**2.313.255.813**	**(2.658.677.948)**	**659.972.052**

Thuế giá trị gia tăng
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.155.090.337	4.133.670.813
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	432.310.822	597.373.953
- Các khoản điều chỉnh giảm	(41.424.658)	(713.581.456)
Thu nhập chịu thuế	7.545.976.501	4.017.463.310
Thu nhập được miễn thuế	(100.000.000)	(75.000.000)
Thu nhập tính thuế	7.445.976.501	3.942.463.310
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	***1.489.195.300***	***788.492.662***
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm [(i)]	***(446.758.590)***	**-**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**1.042.436.710**	**788.492.662**

(i) Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Mức tiền thuê
- Số 131 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1.092.000 VND/m^2
- Số 449/2-2A Hùng Vương, Phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	173.107 VND/m^2

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu cho thuê tại Cao ốc Văn phòng Vina Building.

15. Phải trả khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	2.958.926	66.784.617
Kinh phí công đoàn	-	15.348.000
Các khoản Bảo hiểm phải trả	19.699.545	26.221.991
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.740.758.980	1.371.628.060
Cổ tức phải trả	97.129.900	193.782.400
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	499.464.647	1.153.348.254
Cộng	**2.360.011.998**	**2.827.113.322**

15b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	11.321.136.675
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	9.000.000.000	4.500.000.000
Cộng	**9.000.000.000**	**15.821.136.675**

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.321.136.675	14.012.865.525	-	(25.334.002.200)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	4.500.000.000	-	8.000.000.000	(3.500.000.000)	9.000.000.000
Cộng	**15.821.136.675**	**14.012.865.525**	**8.000.000.000**	**(28.834.002.200)**	**9.000.000.000**

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam[(i)]	32.500.000.000	35.500.000.000
Vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Vina – bên liên quan[(ii)]	-	5.000.000.000
Cộng	**32.500.000.000**	**40.500.000.000**

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để đầu tư dự án xây dựng Cao ốc Văn phòng Vina Building tại địa chỉ 131 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 1, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay trong hạn là 8,4% trong 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân lần đầu. Sau thời gian này lãi suất tính theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng với biên độ 3%. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ quyền sử dụng đất, công trình nhà xưởng trên đất tại địa chỉ lô B16, đường số 8, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh và công trình cao ốc văn phòng Vina Building tại địa chỉ số 131, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 1, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.10).

(iii) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Vina với số tiền vay là 5.000.000.000 VND nhằm mục đích phục vụ cho việc xây dựng công trình Cao ốc Vina Building tại địa chỉ 131 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 1, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Thời gian vay là 24 tháng, lãi suất vay trong hạn là 8,4%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	36.500.000.000	4.000.000.000	32.500.000.000	-
Vay dài hạn tổ chức khác	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	**41.500.000.000**	**9.000.000.000**	**32.500.000.000**	**-**
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	40.000.000.000	4.500.000.000	29.700.000.000	5.800.000.000
Vay dài hạn tổ chức khác	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Cộng	**45.000.000.000**	**4.500.000.000**	**34.700.000.000**	**5.800.000.000**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	35.500.000.000	(3.000.000.000)	32.500.000.000
Vay dài hạn tổ chức khác	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
Cộng	**40.500.000.000**	**(8.000.000.000)**	**32.500.000.000**

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	543.102.132	543.102.132
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	210.000.000	210.000.000
Cộng	**753.102.132**	**753.102.132**

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	41.600.000.000	316.041.106	17.444.847.566	59.360.888.672
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	3.216.952.174	3.216.952.174
Số dư cuối năm trước	**41.600.000.000**	**316.041.106**	**20.661.799.740**	**62.577.840.846**
Số dư đầu năm nay	41.600.000.000	316.041.106	20.661.799.740	62.577.840.846
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	6.112.653.627	6.112.653.627
Tăng vốn từ lợi nhuận trong năm nay	4.159.850.000	-	(4.159.850.000)	-
Số dư cuối năm nay	**45.759.850.000**	**316.041.106**	**22.614.603.367**	**68.690.494.473**

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	19.098.220.000	17.362.020.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	2.990.130.000	2.718.300.000
Các cổ đông khác	23.671.500.000	21.519.680.000
Cộng	**45.759.850.000**	**41.600.000.000**

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.575.985	4.160.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.575.985	4.160.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*4.575.985*	*4.160.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.575.985	4.160.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*4.575.985*	*4.160.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

19a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	6.262.450.320	7.825.766.684
Trên 1 năm đến 5 năm	7.297.180.800	14.594.361.600
Trên 5 năm	32.837.313.600	116.754.892.800
Cộng	**46.396.944.720**	**139.175.021.084**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 835,3 m2 đất tại 131 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh với giá thuê là 1.092.000 VND/m2 /năm theo Thông báo số 13557/TB-CCT-LPTB ngày 02 tháng 10 năm 2018. Theo Quyết định số 5350/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh với thời hạn 50 năm, sử dụng đến ngày 30 tháng 11 năm 2057.
- Tổng số tiền thuê 3.830,4 m^2 đất tại Nhà xưởng 1,2 + Lô A40/II và Lô A41/II, đường số 2D Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, với giá thuê là 116.400 VND/m^2/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 10 năm tính từ tháng 12 năm 2020.

19b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 117,35 USD (số đầu năm là 117,35 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	29.880.950.248	41.405.674.182
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư (i)	39.811.224.131	19.370.611.180
Cộng	**69.692.174.379**	**60.776.285.362**

(i) Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	39.811.224.131	19.370.611.180
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	(3.858.895.803)	(1.576.701.036)
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	(19.889.837.395)	(9.980.155.271)
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	**16.062.490.933**	**7.813.754.873**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ	31.246.005.483	37.913.572.608
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	23.748.733.198	11.556.856.307
Cộng	**54.994.738.681**	**49.470.428.915**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	79.948.822	231.208.112
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.000.000	75.000.000
Cộng	**179.948.822**	**306.208.112**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.382.746.882	1.706.711.018
Chi phí tài chính khác	2.458.852	6.631.336
Cộng	**4.385.205.734**	**1.713.342.354**

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.071.096.308	2.147.640.478
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.332.953	25.953.104
Thuế, phí và lệ phí	28.193.945	40.704.553
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	11.474.660	-
Chi phí thuê văn phòng	368.836.368	368.836.368
Chi phí mua ngoài	297.336.406	389.426.742
Các chi phí khác	766.462.085	1.267.634.380
Cộng	**3.561.732.725**	**4.240.195.625**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	364.710.664	-
Thu nhập từ thanh lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sản xuất	6.644.000	8.392.250
Thu tiền Canifa hủy hợp đồng thuê văn phòng	173.339.000	318.981.000
Nợ phải trả không xác định được chủ[(i)]	133.126.250	-
Thu nhập khác	403.639.088	37.404.577
Cộng	**1.081.459.002**	**364.777.827**

(i) Trong đó khoản phải trả liên quan đến cổ tức là 92.520.000 VND.

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.112.653.627	3.216.952.174
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.112.653.627	3.216.952.174
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.575.985	4.575.985
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**1.336**	**703**

8b. Thông tin khác

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 773 VND xuống còn 703 VND.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.723.056.307	28.133.528.368
Chi phí nhân công	7.151.994.301	9.009.725.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.794.763.953	2.911.154.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.180.439.216	11.974.390.576
Chi phí khác	4.862.475.038	4.070.572.038
Cộng	**53.712.728.815**	**56.099.371.129**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	16.055.068.545	29.054.510.642
Trên 1 năm đến 5 năm	29.478.521.718	61.702.931.632
Trên 5 năm	9.592.166.600	22.000.128.800
Cộng	**55.125.756.864**	**112.757.571.074**

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đến với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao và phụ cấp	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Hoàng Phong Giao - Giám đốc	300.000.000	93.833.249	393.833.249
Ông Nguyễn Ngọc Phụng - Phó Giám đốc	216.000.000	55.287.500	271.287.500
Bà Nguyễn Kim Hậu - Phó Giám đốc	72.000.000	59.904.480	131.904.480
Cộng	**588.000.000**	**209.025.229**	**797.025.229**

	Tiền lương	Thù lao và phụ cấp	Cộng thu nhập
Năm trước			
Ông Hoàng Phong Giao - Giám đốc	300.000.000	108.139.090	408.139.090
Ông Nguyễn Ngọc Phụng - Phó Giám đốc	216.000.000	84.156.000	300.156.000
Cộng	**516.000.000**	**192.295.090**	**708.295.090**

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Cổ đông chiếm 41,74% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Cổ đông chiếm 6,53% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác (năm trước phát sinh giao dịch nhận nợ vay với Công ty Cổ phần Đầu tư Vina với số tiền là 5.000.000.000 VND).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.16b.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Bán thành phẩm: sản xuất, gia công và cung cấp các sản phẩm in ấn.
- Kinh doanh bất động sản: chuyển nhượng, thanh lý, cho thuê bất động sản của công ty, đi thuê và cho thuê lại.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 1 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng
Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.483.372.441	-	6.483.372.441
Chứng khoán kinh doanh	5.390.000.000	-	5.390.000.000
Phải thu khách hàng	7.061.480.258	2.002.612.574	9.064.092.832
Các khoản phải thu khác	243.428.154	192.414.760	435.842.914
Cộng	**19.178.280.853**	**2.195.027.334**	**21.373.308.187**
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.168.658.304	-	4.168.658.304
Chứng khoán kinh doanh	5.390.000.000	-	5.390.000.000
Phải thu khách hàng	11.425.396.407	4.342.178.919	15.767.575.326
Các khoản phải thu khác	62.080.084	200.074.325	262.154.409
Cộng	**21.046.134.795**	**4.542.253.244**	**25.588.388.039**

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	5.123.839.794	-	-	5.123.839.794
Vay và nợ	9.000.000.000	32.500.000.000	-	41.500.000.000
Các khoản phải trả khác	2.356.428.453	4.118.650.160	1.409.825.100	7.884.903.713
Cộng	**16.480.268.247**	**36.618.650.160**	**1.409.825.100**	**54.508.743.507**
Số đầu năm				
Phải trả người bán	15.058.074.569	-	-	15.058.074.569
Vay và nợ	15.821.136.675	34.700.000.000	5.800.000.000	56.321.136.675
Các khoản phải trả khác	2.876.967.989	4.705.649.600	1.409.825.100	8.992.442.689
Cộng	**33.756.179.233**	**39.405.649.600**	**7.209.825.100**	**80.371.653.933**

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của chỉ có liên quan đến khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 36.500.000.000 VND (số đầu năm là 40.000.000.000 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm/tăng 730.000.000 VND (năm trước giảm/tăng 800.000.000 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán
Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 8.800.000.000 VND.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu
Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính
Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.483.372.441	-	4.168.658.304	-
Chứng khoán kinh doanh	5.390.000.000	-	5.390.000.000	-
Phải thu khách hàng	9.064.092.832	(1.269.359.560)	15.767.575.326	(1.000.994.569)
Các khoản phải thu khác	435.842.914	-	262.154.409	(195.242.781)
Cộng	**21.373.308.187**	**(1.269.359.560)**	**25.588.388.039**	**(1.196.237.350)**

Nợ phải trả tài chính
Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	5.123.839.794	15.058.074.569
Vay và nợ	41.500.000.000	56.321.136.675
Các khoản phải trả khác	7.884.903.713	8.992.442.689
Cộng	**54.508.743.507**	**80.371.653.933**

Giá trị hợp lý
Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Yến Nhi	**Đoàn Thị Phương Linh**	**Hoàng Phong Giao**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Bán thành phẩm	Kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	29.880.950.248	39.811.224.131	-	69.692.174.379
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***29.880.950.248***	***39.811.224.131***	-	***69.692.174.379***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.988.453.736)	15.888.054.933	-	13.899.601.197
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(3.561.732.725)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				10.337.868.472
Doanh thu hoạt động tài chính				179.948.822
Chi phí tài chính				(4.385.205.734)
Thu nhập khác				1.081.459.002
Chi phí khác				(58.980.225)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.042.436.710)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***6.112.653.627***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			-	-

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Bán thành phẩm	Kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	41.405.674.182	19.370.611.180	-	60.776.285.362
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***41.405.674.182***	***19.370.611.180***	***-***	***60.776.285.362***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.991.648.815	7.664.317.873	-	9.655.966.688
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(4.240.195.625)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.415.771.063
Doanh thu hoạt động tài chính				306.208.112
Chi phí tài chính				(1.713.342.354)
Thu nhập khác				364.777.827
Chi phí khác				(239.743.835)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(788.492.662)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(128.225.977)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***3.216.952.174***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	***58.168.182***	***63.172.269.192***	***-***	***63.230.437.374***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	***1.350.242.263***	***1.971.882.755***	***-***	***3.322.125.018***
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	***363.790.328***	***-***	***-***	***363.790.328***

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Bán thành phẩm	Kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	8.288.151.214	104.050.778.657	-	112.338.929.871
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				15.658.458.177
Tổng tài sản				***127.997.388.048***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.276.510.621	3.062.405.330	-	7.338.915.951
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				51.967.977.624
Tổng nợ phải trả				***59.306.893.575***
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	21.549.598.271	115.275.538.547	-	136.825.136.818
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				15.839.326.396
Tổng tài sản				***152.664.463.214***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.095.797.584	14.328.442.380	-	19.424.239.964
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				70.662.382.404
Tổng nợ phải trả				***90.086.622.368***

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Yến Nhi	Đoàn Thị Phương Linh	Hoàng Phong Gino

CÔNG TY CỔ PHẦN
VINAPRINT
------o0o------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
------o0o------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc không chia cổ tức năm 2020

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vinaprint;
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vinaprint kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021 việc thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 (đã kiểm toán) của công ty đạt lợi nhuận sau thuế **6,113** tỷ và lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu là **1.336** đồng; tuy nhiên để tạo điều kiện về vốn và tăng hiệu quả hoạt động SXKD cho công ty năm 2021, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương về việc không chia cổ tức năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- *Như trên*
- *HĐQT, BKS*
- *BGĐ*
- *ĐHĐCĐ*
- *Lưu HĐQT, Thư ký.*

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BÙI TUẤN NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
------o0o------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	------o0o------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vinaprint;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 02/NQ/HĐQT/VPR/2021 ngày 12/03/2021

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Vinaprint kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua về việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

I. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, HĐQT Công ty cổ phần Vinaprint đã chi trả mức thù lao cho HĐQT và BKS trong năm 2020 (đã bao gồm 10% thuế thu nhập cá nhân) như sau:

- Thù lao cho Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT:	**4.444.440** đồng/người/tháng.
+ 4 Thành viên HĐQT:	**3.333.330** đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Ban kiểm soát:

+ Trưởng BKS:	**3.333.330** đồng/người/tháng.
+ 2 Kiểm soát viên:	**2.777.780** đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Thư ký HĐQT:

+ Thư ký HĐQT chính:	**2.777.780** đồng/người/tháng.
+Thư ký HĐQT hỗ trợ:	**1.666.668** đồng/người/tháng.

II. KẾ HOẠCH THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

- **Thù lao cho Hội đồng quản trị:**

+ Chủ tịch HĐQT: **4.444.440** đồng/người/tháng.

+ 4 Thành viên HĐQT: **3.333.330** đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Ban kiểm soát:

+ Trưởng BKS: **3.333.330** đồng/người/tháng.

+ 2 Kiểm soát viên: **2.777.780** đồng/người/tháng.

- Thù lao cho Thư ký HĐQT:

+ Thư ký HĐQT chính: **2.777.780** đồng/người/tháng.

+Thư ký HĐQT hỗ trợ: **1.666.668** đồng/người/tháng.

Thù lao của mỗi thành viên đã bao gồm 10% thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

Tổng mức thù lao năm 2021 là **373.333.176 đồng** *(Ba trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, một trăm bảy mươi sáu đồng).*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- *Như trên*
- *HĐQT, BKS*
- *BGĐ*
- *ĐHĐCĐ*
- *Lưu HĐQT, Thư ký.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301306[illegible] - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

BÙI TUẤN NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT ------o0o------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc** ------o0o------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Để thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vinaprint đã xây dựng dự thảo Điều lệ Công ty theo Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

(Toàn văn Dự thảo Điều lệ Công ty và Bảng tổng hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ được đính kèm Tờ trình này)

Điều lệ mới sẽ thay thế bản Điều lệ Công ty đã được ban hành kèm theo Nghị quyết số 01-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2020 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận: *- Như trên,* *- HĐQT, BKS* *- BGĐ* *- ĐHĐCĐ* *- Lưu HĐQT, Thư ký.*	**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH** M.S.D.N: 0301306457 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH **BÙI TUẤN NGỌC**

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT ------o0o------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc** ------o0o------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Để thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vinaprint đã xây dựng dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và Điều lệ Công ty.

(Toàn văn Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được đính kèm Tờ trình này)

Quy chế này sẽ thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2018 ngày 07/05/2018 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận: *- Như trên,* *- HĐQT, BKS* *- BGĐ* *- ĐHĐCĐ* *- Lưu HĐQT, Thư ký.*	**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH** M.S.D.N: 0301306457 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH **BÙI TUẤN NGỌC**

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT
------o0o------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc
------o0o------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Để thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vinaprint đã xây dựng Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị theo mẫu quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC và phù hợp với Điều lệ Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(Toàn văn Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị được đính kèm)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- *Như trên*
- *HĐQT, BKS*
- *BGĐ*
- *ĐHĐCĐ*
- *Lưu HĐQT, Thư ký.*

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301306457 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

BÙI TUẤN NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT ------o0o------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc** ------o0o------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Để thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vinaprint đã xây dựng Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo mẫu quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC và phù hợp với Điều lệ Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(Toàn văn Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận: *- Như trên,* *- HĐQT, BKS* *- BGĐ* *- ĐHĐCĐ* *- Lưu HĐQT, Thư ký.*	**TM. BAN KIỂM SOÁT** **TRƯỞNG BAN** Lê Thị Tường Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT
------o0o------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
------o0o------

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vinaprint;

Căn cứ theo điểm d, Khoản 2, Điều 14 Điều lệ của Công ty cổ phần Vinaprint, Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Hội đồng quản trị sẽ căn cứ vào các tiêu chí như sau để lựa chọn công ty kiểm toán:

- Công ty kiểm toán trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021.
- Có uy tín và đảm bảo chất lượng.
- Phí kiểm toán hợp lý, đáp ứng được các yêu cầu của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Thị Tường Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT
------o0o------

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
------o0o------

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Cổ đông Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Thiên Hải, Công ty CP Đầu Tư New Asia, Công ty CP Đầu Tư Vina và Ông Bùi Minh Tuấn mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty để nâng tỷ lệ sở hữu mà không thông qua thủ tục chào mua công khai

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Vinaprint

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 26/11/2020, tổ chức, cá nhân và người có liên quan theo quy định khi mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu của công ty đại chúng dẫn đến sở hữu đạt từ 25% trở lên phải chào mua công khai, trừ trường hợp đã được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua thì không phải chào mua công khai.

Theo đó Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

- Thông qua việc Cổ đông Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Thiên Hải, Công ty CP Đầu Tư New Asia, Công ty CP Đầu Tư Vina và Ông Bùi Minh Tuấn thực hiện mua cổ phiếu Công ty cổ phần Vinaprint dẫn đến việc sở hữu đạt hoặc vượt mức 65% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Vinaprint thì không phải thực hiện chào mua công khai.
- Thời gian thực hiện: Sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua đến hết ngày 28/02/2022.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- *Như trên,*
- *HĐQT, BKS*
- *BGĐ*
- *ĐHĐCĐ*
- *Lưu HĐQT, Thư ký.*

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BÙI TUẤN NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT
------o0o------

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
------o0o------

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vinaprint;
- Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Vinaprint.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, cụ thể như sau:

A. PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU:

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN:

1. Tổng số lượng cổ phần phát hành:

- **Tên cổ phiếu**: Cổ phiếu Công ty Cổ phần VINAPRINT
- **Loại cổ phiếu**: Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá cổ phiếu**: 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Vốn điều lệ hiện tại**: 45.759.850.000 đồng
- **Số cổ phiếu lưu hành**: 4.575.985 cổ phiếu
- **Giá chào bán dự kiến**: 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Phương thức chào bán**: Chào bán cổ phiếu ra công chúng
- **Đối tượng chào bán**: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu
- **Tỷ lệ thực hiện**: 1:2
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán**: 9.151.970 cổ phiếu

- **Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá**: 91.519.700.000 đồng
- **Hạn chế chuyển nhượng**: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng
- **Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu**: Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể chuyển nhượng quyền mua một (01) lần duy nhất cho đối tượng khác.
- **Phương án xử lý cổ phiếu không bán hết:** Đối với cổ phiếu còn thừa do cổ đông hiện hữu không mua hết và/hoặc từ chối mua và/hoặc đến hết hạn đóng tiền mua cổ phiếu mà không đóng tiền mua (sau đây gọi tắt là "Số cổ phiếu còn lại"): ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng chào bán, giá chào bán theo nguyên tắc giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.
- **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:**
  1. Đầu tư tài chính vào các công ty thuộc lĩnh vực Logistics, bất động sản KCN, cảng biển,…: **80.000.000.000 đồng**
  2. Bổ sung vốn lưu động của Công ty**: 11.519.700.000 đồng**
- **Thời gian thực hiện dự kiến:** Sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt Phương án chào bán và được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán. Dự kiến trong năm 2021-2022.

II. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ CHÀO BÁN:

1. Giá trị sổ sách:

- **Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 là: 15.043 đồng/cổ phần**
- **Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 là: 15.011 đồng/cổ phần**

2. Giá chào bán:

Căn cứ vào thị giá hiện tại của cổ phiếu VPR và giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm 31/12/2020 cũng như đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành, HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là **10.000** đồng/cổ phần. Mức giá này góp phần đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu của Công ty và phù hợp với thị giá của cổ phiếu.

3. Pha loãng cổ phiếu sau khi chào bán:

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu phát hành (Ngày giao dịch không hưởng quyền"): giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$Ptc = \frac{(PRt\text{-}1 \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng CP đang lưu hành} + \text{Số lượng CP phát hành thêm}}$$

Trong đó:

- **P**tc: Giá tham chiếu tại Ngày giao dịch không hưởng quyền
- **PR**t-1 : Giá đóng cửa của cổ phiếu trước phiên giao dịch không hưởng quyền
- **PR**: Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

Trong trường hợp giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán nhỏ hơn mệnh giá thì giá thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh Ngoài ra, trong đợt chào bán cổ phiếu có thể bao gồm các rủi ro pha loãng khác như: Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu - EPS (Earning Per Share); pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu - BVPS (Book Value Per Share)

B. PHÊ DUYỆT CÁC CÔNG VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ:

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung liên quan đến tăng vốn điều lệ như sau:

1. Phê duyệt tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá cổ phiếu thực tế chào bán:

Phê duyệt tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phiếu thực tế chào bán theo phương án nêu tại Mục A.I và mục A.II trên đây.

2. Chỉnh sửa Điều lệ Công ty liên quan đến vốn điều lệ:

Phê duyệt việc sửa đổi Điều 5 Điều lệ Công ty (quy định về vốn điều lệ và tổng số cổ phiếu lưu hành) căn cứ vào kết quả thực tế của việc chào bán cổ phiếu theo phương án nêu tại Mục AI và Mục A.II trên đây.

C. ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT VÀ LƯU KÝ BỔ SUNG SỐ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM:

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế phát hành thêm theo phương án nếu tại Mục A.I và mục A.II, sau khi thực hiện báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN.

D. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho HĐQT các vấn đề sau:

- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp, sau khi có giấy chứng nhận chào bán của UBCKNN; Thực hiện các thủ tục phát hành theo đúng các quy định của pháp luật;
- Quyết định bổ sung, hoàn chỉnh và quy định chi tiết nội dung phương án phát hành và/hoặc sửa đổi bổ sung phương án phát hành khi cần thiết để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của các cổ đông;
- Xử lý số cổ phần dôi dư trong trường hợp các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết số cổ phần phát hành thêm. Thực hiện phân phối số cổ phần đó cho nhà đầu tư khác có nhu cầu đảm bảo phân phối theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu đã được thông qua.
- Xây dựng phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến.
- Xây dựng chi tiết phương án phân bổ vốn thu được từ đợt chào bán và lựa chọn thời điểm tiến hành giải ngân sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và cho Công ty.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu mới.
- Thực hiện các thủ tục Kiểm toán vốn; Thay đổi đăng ký kinh doanh, sửa đổi điều lệ với số vốn điều lệ mới tăng thêm;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký cổ phiếu bổ sung trên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với số cổ phần phát hành thêm.

- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM sau khi hoàn tất đợt phát hành.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- *Như trên,*
- *HĐQT, BKS*
- *BGĐ*
- *ĐHĐCĐ*
- *Lưu HĐQT, Thư ký.*

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BÙI TUẤN NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT
------o0o------

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
------o0o------

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu từ sàn UPCOM sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Quyết định số 639/QĐ-SGDHN ngày 13/10/2016 về việc ban hành Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vinaprint.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần Vinaprint từ sàn UPCOM sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần VINAPRINT
- Mã chứng khoán: VPR
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: 4.575.985 cổ phiếu
- Thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết: Dự kiến thực hiện trong năm 2021-2022.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
  + Chuẩn bị hồ sơ, thủ tục cần thiết và triển khai các công việc liên quan để thực hiện chuyển sàn giao dịch.
  + Lựa chọn thời điểm triển khai phù hợp.
  + Thực hiện các thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình chuyển sàn niêm yết.

+ Các công việc khác liên quan đến việc chuyển sàn giao dịch.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- *Như trên,*
- *HĐQT, BKS*
- *BGĐ*
- *ĐHĐCĐ*
- *Lưu HĐQT, Thư ký.*

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BÙI TUẤN NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

TỜ TRÌNH

Phương án phát hành trái phiếu trơn (không chuyển đổi)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

Căn cứ:

- *Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vinaprint đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/06/2020;*
- *Nhu cầu vốn của Công ty,*

Kính trình Hội đồng Quản trị phương án, điều kiện và điều khoản phát hành trái phiếu trơn. Chi tiết như sau:

1. Thông tin về tổ chức phát hành:

Tên doanh nghiệp	: Công ty Cổ phần Vinaprint
Giấy CNĐKDN số	: Giấy đăng ký kinh doanh số: 0301306457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/09/2006, thay đổi lần thứ 14, ngày 24/12/2020
Địa chỉ	: Lầu 2, số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

2. Mục đích phát hành:

Số tiền huy động được từ đợt phát hành dự kiến sẽ được sử dụng để đầu tư vào các công ty lĩnh vực logistics, bất động sản KCN, cảng biển; đồng thời linh hoạt bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty.

3. Phương án phát hành:

Tên trái phiếu	Trái phiếu Công ty Cổ phần Vinaprint
Loại trái phiếu	Trái phiếu thường, không có quyền chuyển đổi
Phương thức phát hành	Trái Phiếu được phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành
Đối tượng phát hành	Dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chuyên nghiệp là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có tiềm năng về tài chính
Tổng giá trị phát hành	Tối đa 200.000.000.000 đồng
Đồng tiền phát hành	Đồng Việt Nam (VNĐ)
Hình thức Trái Phiếu	Ghi sổ
Mệnh giá Trái Phiếu	1.000.000.000 đồng
Số lượng trái phiếu phát hành	Tối đa 200 Trái Phiếu

Giá Phát Hành	Bằng 100% mệnh giá
Kỳ hạn Trái Phiếu	Từ 03 đến 07 năm, kể từ ngày phát hành Trái Phiếu
Tài sản đảm bảo	Các tài sản hợp pháp của Công ty
Ngày phát hành dự kiến	Trong năm 2021, 2022
Lãi suất Trái Phiếu	Theo lãi suất thị trường
Hạn chế chuyển nhượng	Trái Phiếu không bị hạn chế chuyển nhượng
Kế hoạch bố trí nguồn vốn để mua lại trái phiếu và thanh toán lãi	Toàn bộ nguồn vốn để mua lại Trái Phiếu và thanh toán lãi sẽ đến từ tiền thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh và các nguồn khác
Phương thức thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu	- Khoản gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán một (1) lần vào (i) ngày đáo hạn; hoặc (ii) ngày mà các Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn hoặc do nguyên nhân khác; hoặc (iii) ngày mà các Trái Phiếu được mua lại theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu - Khoản lãi Trái Phiếu sẽ được thanh toán định kỳ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu
Các cam kết khác	Như được quy định cụ thể trong Các Điều Kiện Trái Phiếu

4. Ủy quyền

- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các công việc:
  - Đàm phán và lựa chọn đối tượng nhà đầu tư phù hợp.
  - Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của trái phiếu phát hành(khối lượng, lãi suất, kỳ hạn, và các điều khoản khác) phù hợp với tình hình thị trường và tình hình của Công ty tại thời điểm chào bán.
  - Lựa chọn tổ chức tư vấn, đại lý phát hành.
  - Quyết định nội dung và ký kết toàn bộ các tài liệu liên quan đến đợt phát hành trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn Hợp đồng tư vấn phát hành, Bản công bố thông tin; các Hợp đồng cầm cố, thế chấp; Hợp đồng đại lý đăng ký, lưu ký và thanh toán; Hợp đồng giữ, quản lý tài khoản trái phiếu và tài khoản dự phòng trả nợ và các cam kết với nhà đầu tư trái phiếu (nếu có) và các tài liệu sửa đổi, bổ sung, thay thế các tài liệu đó.
  - Thực hiện các công việc liên quan khác để hoàn thành đợt phát hành trái phiếu theo quy định pháp luật.

Trân trọng kính trình!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301306457 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

BÙI TUẤN NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT ------o0o------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ------o0o------

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 –2022

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

***Căn cứ*:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vinaprint;
- Đơn từ nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát của Bà Trương Nguyễn Thiên Kim ngày 09/03/2021.
- Đơn từ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát của Bà Trần Thị Thanh Tâm ngày 19/03/2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung 02 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017– 2022, cụ thể như sau:

1. Miễn nhiệm 02 thành viên Ban kiểm soát:

Căn cứ đơn xin từ nhiệm Trưởng ban Ban kiểm soát của Bà Trương Nguyễn Thiên Kim ngày 09/03/2021 với lý do bận nhiệm vụ công tác khác, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua việc miễn nhiệm đối với **Bà Trương Nguyễn Thiên Kim - Trưởng Ban kiểm soát.**

Căn cứ đơn xin từ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát của Bà Trần Thị Thanh Tâm ngày 19/03/2021 với lý do bận nhiệm vụ công tác khác, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua việc miễn nhiệm đối với **Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thành viên kiểm soát.**

2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát: 02 người

Danh sách ứng cử viên:

- **Bà Nguyễn Thị Thái Nhi**
- **Bà Huỳnh Thị Phương Linh**

(Sơ yếu lý lịch ứng cử viên đính kèm Tờ trình này)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát như đã trình bày ở trên.

Nơi nhận:
- *Như trên,*
- *HĐQT, BKS*
- *BGĐ*
- *ĐHĐCĐ*
- *Lưu HĐQT, Thư ký.*

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BÙI TUẤN NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT
------o0o------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
------o0o------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT

***Căn cứ*:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Căn cứ đơn từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị ngày 22 /03/2021 của Ông Hoàng Phong Giao

Nhằm kiện toàn bộ máy quản trị và nâng cao công tác giám sát chỉ đạo đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm 01 Thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung 01 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty:

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
   - **Ông Hoàng Phong Giao**
2. Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị:

Danh sách ứng cử viên:

- **Ông Trần Xuân Ánh**

(Sơ yếu lý lịch ứng cử viên đính kèm Tờ trình này)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- Như trên
- HĐQT, BKS
- BGĐ
- ĐHĐCĐ
- Lưu HĐQT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301306457 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN VINAPRINT ★ QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

BÙI TUẤN NGỌC